

## Phẩm Thứ 2: VÔ TƯỚNG PHÁP

Kinh: “Nhĩ thời Tôn giả tùng Tam-muội khởi như nói thị ngôn”.  
Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất Tam-muội mà nói rằng:

**Luận chép:** Văn một phẩm này xét định chia ra làm ba phần: 1. Phần xuất định. 2. Phần khởi nói. 3. Phần đắc ích. Hai phần một và ba là lời trình bày của người kết tập kinh. Phần thứ hai đó chính là lời Đức Phật nói. Trong phần một hiển bày ba thứ thành tựu: Một là thuyết pháp thời thành tựu, như “Nhĩ thời” trong kinh. Hai. Nói pháp chủ thành tựu, như “Đức Thế Tôn” trong kinh, có đủ năm sự thông đạt được thế gian kính trọng, đối với pháp rất sâu xa đúng như nghĩa mà nói ra. Ba là Tự tại thành tựu, như “xuất Tam-muội mà nói rằng” trong kinh. Như-lai nhập định không thể kinh động thức tĩnh, ở chỗ Định an trụ hay xuất ra được tự tại.

Kinh: “Chư Phật trí địa nhập thật pháp tướng quyết định tánh cố”.  
Trí địa của chư Phật nhập vào tánh quyết định tướng thật pháp.

**Luận chép:** Từ đây trở xuống phần thứ hai chính là phát ra lời nói. Trong phần này có hai: Một là Trường hàng, hai là Trùng tụng. Trong phần một là Trường hàng cũng có hai phần: Một. Phần sơ lược nêu ra, Hai. Phần giới thiệu rộng ra. Trong phần sơ lược nêu ra hai thứ nghĩa: Đầu tiên nêu ra quán vô tướng, sau là nêu ra pháp sở quán. Trong phần quán vô tướng có hai câu đó: Trước nêu ra Như-lai tự nhập vào quán vô tướng, sau nêu lên khiến cho người khác nhập vào quán vô tướng. Nói là Tự nhập ấy, như trong kinh chép: “Tối địa của chư Phật nhập vào tánh quyết định, thật tướng pháp”. Trí địa của chư Phật nghĩa là trí tướng ứng đã nhập vào Tam-muội Kim Cương như trước đây, an trụ nắm giữ tất cả công đức của pháp. Nhập thật pháp tướng: Nghĩa là Phật trí này phá bỏ tất cả các tướng thông suốt thật tướng của các pháp. Quyết định tánh: Là tướng của thật pháp, chẳng phải Phật làm nên, cho nên có Phật tánh, không có Phật tánh tự nhiên như thế. Kế là nói là Cố, lấy quyết định giải thích thành tựu câu trên, vì nếu không quyết định thì chẳng phải thật tướng. Lại thấu nhiếp câu trên mà thành tựu câu dưới, vì Như-lai tự nhập vào tướng thật pháp, cho nên có thể khiến người khác được lợi ích về vô tướng.

Kinh: “Phương tiện thần thông giai vô tướng lợi”. Phương tiện, thần thông đều là lợi ích vô tướng.

**Luận chép:** Đây là câu thứ hai khiến cho người khác được nhập vào. Nói phương tiện ấy là tám tướng phương tiện, nghĩa là từ trời Đâu

suất lùi lại cho đến nhập Niết-bàn. Thần thông là sáu thứ thần thông, tức là ba luân hóa độ chúng sanh. Đều là lợi ích vô tướng: Tám tướng phương tiện sáu thứ thần thông như vậy đều bắt đầu từ tự nhập vào thật tướng mà khởi lên, có thể giúp cho người khác đạt được lợi ích vô tướng cho nên nêu quán vô tướng xong ở trước.

Kinh: “Nhất giác liễu nghĩa nan giải nhập chư nhị thừa chi sở tri kiến, duy Phật Bồ-tát nãi năng tri chi”. Nhất giác liễu nghĩa khó hiểu khó nhập, chẳng phải chỗ thấy biết của hàng nhị thừa, chỉ riêng Phật và Bồ-tát mới có thể biết được.

**Luận chép:** Từ đây trở xuống là phần thứ hai nêu ra pháp sở quán cũng có hai câu: Một là trực tiếp nêu ra pháp sở quán sâu xa, hai là đối với người khác nói về pháp sâu xa này. Nhất giác liễu nghĩa: Là nghĩa của nhất tâm bốn giác Như-lai-tạng, vượt qua pháp sâu xa này thì không bao giờ có pháp sâu nào khác. Nan giải là nghĩa rất sâu xa chẳng phải thấy biết của hàng Nhị thừa. Nan nhập là thể rất sâu xa chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể hội nhập. Chính là dùng câu sau để giải thích câu trước, muốn nói về môn đầu tiên đã nêu ra, Phật trí vốn hội nhập tướng thật pháp ấy, dứt khoát là pháp của nhất tâm bốn giác Như-lai-tạng. Như kinh Lăng nghiêm chép: “Vắng lặng ấy gọi là nhất tâm, nhất tâm ấy gọi là Như Lai tạng”. Nay văn này nói tướng thật ấy là nghĩa của vắng lặng, nhất giác liễu nghĩa ấy chính là nghĩa của nhất tâm Như-lai-tạng. Luận Pháp Hoa chép: “Chư Phật Như-lai có thể biết thật tướng rốt ráo của pháp kia.” Nói thật tướng ấy là nói về nghĩa thể bất biến của pháp thân Như-lai-tạng. Nay kinh này nói nhất giác ấy là tất cả các pháp chỉ là nhất tâm, tất cả chúng sanh là một bốn giác. Vì nghĩa này cho nên gọi là nhất giác. Đến trong phần nói dưới sẽ tiếp tục phân biệt.

Kinh: “Khả độ chúng sanh giai nói nhất vị”. Có thể độ chúng sanh đều nói về một vị.

**Luận chép:** Đây là nói về đối với người khác đều nói về pháp sâu xa. Có thể độ chúng sanh: Như-lai vốn giáo hóa tất cả chúng sanh không có gì chẳng phải sự trôi lăn của nhất tâm. Đều nói một vị: Tất cả giáo pháp Như-lai đã nói ra không pháp nào không làm cho hội nhập ý vị của nhất giác. Muốn nói về tất cả chúng sanh vốn có nhất giác chỉ vì vô minh tùy theo mộng tưởng trôi lăn, đều thuận theo Như-lai nói về một vị chẳng có gì cuối cùng không quy về nguồn gốc của nhất tâm. Lúc quay về nguồn gốc của tâm đều chẳng có gì đạt được nên nói là một vị, tức là nhất thừa. Đầu tiên văn sơ lược nêu ra hoàn tất tùy theo trước.

Kinh: “Nhĩ thời Giải thoát Bồ-tát tức tùng tòa khởi hiệp chưởng hồ quỳ nhi bạch Phật ngôn”. Lúc ấy, Bồ-tát Giải Thoát liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi chấp tay quỳ gối mà thưa đức Phật rằng:

**Luận chép:** Từ đây trở xuống là phần thứ hai giới thiệu rộng. Trong đó có hai: Trước là thỉnh, sau là nói. Trong phần Thỉnh có hai: Trước là lời tựa về nghi dung của người, sau là nói về lời phát biểu. Lời tựa có hai câu: Một là Dựa vào thời gian bày tỏ con người. Bồ-tát Giải thoát ấy là khiến cho các chúng sanh giải thoát như nhau; nhờ vào người chủ động hỏi (người năng vấn) bày tỏ pháp đã nói ra (pháp sở thuyết). Hai. Lời tựa về lễ nghi, như trong kinh “nói liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi v.v...”

Kinh: “Tôn giả! Nhược Phật diệt hậu chánh pháp khứ thế tượng pháp trụ thế, ư mạng kiếp trung ngũ đặng chúng sanh đa chư ác nghiệp luân hồi ba cõi vô hữu xuất thời”. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sau khi đức Phật diệt độ, chánh pháp không còn ở đời, tượng pháp trụ ở thế gian, ở trong kiếp cuối cùng chúng sanh đầy năm thứ vẫn đặng rất nhiều ác nghiệp luân hồi trong ba cõi không lúc nào vượt ra.

**Luận chép:** Đây là đến phần thứ hai phát ra lời nói mà thưa thỉnh. Trong đó có hai: Trước là nêu ra thời gian để thật hiện, sau là thưa thỉnh vì chúng sanh kia giảng nói. Từ đầu đến giữa là thời tượng pháp trụ ở thế gian và trong thời mạng kiếp tức là trước đây rộng nói ra kinh là ích lợi của thời chánh pháp. Nay kinh này là vì hóa độ thời gian tượng pháp, tùy theo thời gian lâu mau mà lập ra giáo pháp khác nhau.

Kinh: “Nguyện Phật từ bi vì hậu chúng sanh giảng nói nhất vị quyết định chân thật linh bỉ chúng sanh đẳng đồng giải thoát”. Cúi mong Đức Phật từ bi vì chúng sanh đời sau giảng nói nhất vị quyết định chân thật khiến cho những chúng sanh kia cùng đặng giải thoát.

**Luận chép:** Đây là phần thứ hai chính thức thỉnh cầu giảng nói. Giảng nói nhất vị ấy là thỉnh cầu giảng nói ý vị của nhất giác liễu nghĩa. Quyết định chân thật là thỉnh cầu nói về quán hội nhập tướng của thật pháp, khiến cho các chúng sanh kia cùng đặng giải thoát làm cho các chúng sanh đời sau cuối của thời tượng pháp cùng một vị rốt ráo giải thoát. Nói theo đây thì, giáo có bốn câu: Một là Chính là giáo hóa chánh pháp bao gồm lợi ích thời gian sau, nghĩa là các kinh trước đó. Hai Chính là giáo hóa tượng pháp bao gồm lợi ích thời gian trước, nghĩa là các kinh này. Ba. Giáo hóa tất cả trước sau, nghĩa là các kinh khác. Bốn. Không lợi ích trước sau, trừ bỏ các giáo trước đây như vậy.

Kinh: “Phật ngôn: Thiện nam tử, nhữ năng vấn ngã xuất thế chi

nhân, dục hóa chúng sanh linh bỉ chúng sanh hoạch đắc xuất thế chi quả, thị nhất đại sự bất khả tư nghị, dĩ đại từ cố dĩ đại bi cố, ngã nhược bất nói tức đọa xan tham, nhữ đặng nhất tâm đến thính vi nhữ giảng nói”. Đức Phật nói: Này người thiện nam! Ông hãy hỏi ta về nhân xuất thế, muốn giáo hóa chúng sanh khiến cho chúng sanh kia được quả xuất thế, là một sự việc lớn lao không thể nghĩ bàn. Vì đại từ, vì đại bi nếu ta không nói thì rơi vào tham tiếc, các ông nhất tâm lắng nghe ta sẽ vì ông giảng nói.

**Luận chép:** Đây là đến phần thứ hai Như-lai vì đó nói ra. Trong đó có hai: Một là Khen ngợi thưa hỏi và đồng ý nói ra. Hai là Đối với sự thưa thỉnh mà giảng nói. Trong phần khen ngợi thưa hỏi nói về nhân của xuất thế là vì nhập vào quán thật tướng. Quả của xuất thế là một ý vị giải thoát. Là một sự việc lớn lao tức nghĩa giống như Vô thượng. Không thể nghĩ bàn là xa lìa ngôn ngữ bất dứt nghĩ suy. Như kinh Pháp Hoa chép: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ở thế gian”. Luận giả giải thích: Một đại sự dựa vào bốn loại nghĩa. Bốn loại nghĩa gồm? Một là Nghĩa vô thượng, chỉ trừ ra trí Nhất-thiết-trí của Như-lai, lại càng không có sự việc gì khác, như kinh nói “Muốn mở bày trí kiến Phật, vì làm cho chúng sanh biết được thanh tịnh, chonên xuất hiện ở thế gian”. Phật trí kiến ấy là Như-lai có thể chứng vì Như thật trí, cho nên biết nghĩa kia. Hai là Nghĩa đồng, vì Pháp Thân của Phật - Bích chi Phật và các Thanh-văn đều bình đẳng, như kinh nói “Muốn chỉ ra trí kiến Phật cho chúng sanh, cho nên xuất hiện ở thế gian”. Pháp thân bình đẳng ấy là vì Phật tánh và Pháp thân không hề sai khác. Ba là nghĩa bất tri, vì các hàng Thanh-văn- Bích chi Phật không thể biết nơi chân thật kia. Không biết nơi chân thật ấy vì không biết rõ ráo chỉ một Phật thừa, như kinh nói “Muốn làm cho chúng sanh hiểu được trí kiến Phật cho nên xuất hiện ở thế gian”. Bốn là Khiến cho chứng được địa vị bất thối chuyển, vì thế thị hiện muốn ban cho vô lượng trí nghiệp. Như kinh chép: “Vì muốn khiến cho chúng sanh nhập vào trí kiến Phật, cho nên xuất hiện ở thế gian”. Nay trong văn này nói Nhất đại sự ấy cũng có bốn nghĩa: Một là nghĩa vô thượng, như văn trên nói, vì là trí địa của chư Phật nhập vào tướng của thật pháp. Hai là nghĩa đồng, như kinh nói “Nhất giác liễu nghĩa nan giải nan nhập”. Ba. Nghĩa bất tri, vì chẳng phải sự thấy biết của các Thanh-văn. Bốn. Nghĩa khiến cho chứng, có thể hóa độ chúng sanh vì thế đều nói về một vị. Khen ngợi thưa hỏi đã xong. Kế là trong phần đồng ý giảng nói cũng có hai câu: Câu đầu trở lại hiển bày không giảng nói là có sai lầm, câu sau

thuận theo nói về khuyên nhắc lắng nghe đồng ý giảng nói.

Kinh: “Thiện nam tử! Nhược hóa chúng sanh vô sanh ư hóa bất sanh vô hóa kỳ hóa đại yên”. Này thiện nam! Nếu giáo hóa chúng sanh mà không chúng sanh nào ở nơi giáo hóa, không chúng sanh nào không giáo hóa, sự giáo hóa đó lớn lao thay.

**Luận chép:** Từ đây trở xuống chính là phần giảng nói. Trong đó có hai: Trước là nói về quán vô tướng trình bày rộng về lợi ích của vô tướng. sau là nói về tâm nhất giác mở rộng nghĩa về nhất giác trước đây. Trong phần quán vô tướng cũng có hai phần: Một. Trước tiếp nói về tướng của quán hành. Hai. Lập đi lập lại quyết định các nghi ngờ hỏi. Trong phần một cũng có hai: Trước là phương tiện quán, sau là nói về chánh quán. Trong phương tiện quán, có bốn câu về điều đó: Một câu đầu là nói về Năng hóa, một câu sau khen ngợi sự giáo hóa rộng lớn, hai câu ở giữa chính là nói về tướng quán. Vô sanh ư hóa: Lúc ban đầu tu quán phá bỏ các tướng “có”, ở tướng huyền hóa diệt sanh tâm về “có”. Bất sanh vô hóa: Đã phá bỏ tướng giáo hóa kế là lia bỏ tướng trống không, đối với không có giáo hóa. “Trống không” cũng bất sanh khởi tâm. Vì sao? Vì chúng sanh xưa nay tâm mê muội lia bỏ tướng, giữ lấy tất cả các tướng động niệm sanh khởi tâm, nên trước phá trừ các tướng, diệt đi tâm giữ lấy tướng, tuy lại phá trừ xong tướng “có” huyền hóa, rồi mà còn giữ lấy tánh “không” của sự không có giáo hóa đó, giữ lấy tánh “không” nên đối với “không” mà sanh khởi tâm, vì lẽ đó cũng giải tán tánh “không” của không giáo hóa, lúc bất sanh khởi tâm giữ lấy “không” chẳng thể khác được lĩnh hội Trung đạo không hai, giống như Phật vốn hội nhập thật tướng các pháp. Giáo hóa như vậy cho nên sự giáo hóa đó rộng lớn làm sao!

Hỏi: Phương tiện quán này là thuộc về địa vị nào?

Đáp: Nếu kính mến tin tưởng tu thì quyết định ở Thập Tín, tương tự quán đó ở tại ba mươi tâm, luận về thuần tu đó thì ở tại bốn gốc lành, cho nên sẽ nhập vào sơ Địa tiếp cận phương tiện. Hỏi: Nơi khác nói có ba quán vô tánh. Vì sao trong này chỉ nói hai vô? Đáp: Vô tướng - Vô sanh hợp lại thành một phía, vì tướng - sanh đã giải tán cùng là có. Lại hai quán này đều có tầm tư, vì thế lúc lia bỏ tánh không có thì không có tầm tư. Do đó hoặc khai ra hoặc hợp lại đều có đạo lý. Đã nói về phương tiện, kế là nói về chánh quán.

Kinh: “Linh bỉ chúng sanh giai ly tâm ngã, nhất thiết tâm ngã bỗng lai vắng lặng. Nhược đắc không tâm, tâm bất huyền hóa, vô huyền vô hóa tức đắc vô sanh, vô sanh chi tâm tại ư vô hóa”. Khiến cho chúng

sanh kia đều xa lìa tâm - ngã, tất cả tâm - ngã xưa nay vắng lặng. Nếu đạt được tâm không thì tâm không thể huyền hóa, không huyền không hóa tức là đạt được vô sanh, tâm của vô sanh ở nơi vô hóa.

**Luận chép:** Đây là nói về tướng chánh quán không hai, vì xa lìa hai thứ sở thủ - năng thủ. Lìa sở thủ: Vì xa lìa tất cả tướng người - pháp. Ở đây có hai thứ: Một là giải tán xa lìa, hai là phai mờ xa lìa. Giải tán xa lìa là trước kia vốn giữ lấy tướng nay dứt trừ đi, như kinh chép: “Khiến cho chúng sanh kia đều xa lìa tâm - ngã”. Lìa dứt hết các tướng giữ lấy trước đây xưa nay vốn không, như kinh chép: “Tất cả tâm - ngã xưa nay vắng lặng”. Nói tâm ngã ấy tức người gọi là Ngã - pháp gọi là Tâm. Vì tâm là nơi nương tựa chủ chốt của các pháp lúc thấu đạt người và pháp xưa nay không, thì tướng vốn giữ lấy trước đây lúc này không khởi, cho nên hai xa lìa trong một lúc được thành tựu. Đã nói xa lìa sở thủ, vì sao xa lìa năng thủ? Nghĩa là xa lìa tất cả năng thủ phân biệt, ở đây cũng có hai thứ: Một là vốn có xa lìa, hai là bắt đầu xa lìa. Nói vốn có xa lìa ấy là lúc thông suốt tâm - ngã xưa nay không, chính là đạt được tâm bốn giác tâm vắng lặng vắng lặng này vốn xa lìa năng thủ, xa lìa năng thủ cho nên vốn có không huyền hóa. như kinh nói “Nếu đạt được tâm không, thì tâm không có huyền hóa.” Không huyền hóa ấy là chẳng phải lưỡng đối. Nói bắt đầu xa lìa ấy là lúc đạt được tâm bốn giác vắng lặng này thì năng thủ phân biệt không trở lại có thể sanh ra, tùy theo tâm đã đạt được không có huyền hóa. Như kinh nói “Không huyền không hóa tức là đạt được vô sanh”. Như vậy, tâm bắt đầu đạt được vô sanh lĩnh hội lý vô hóa của bốn vắng lặng”. Nói tâm của vô sanh tại nơi vô hóa, là giả định nói về tâm cảnh cho nên mượn nói là Tại như vậy. Bắt đầu xa lìa năng thủ là nghĩa về Thỉ giác, vốn có xa lìa Không tâm là nghĩa về Bốn giác. Nghĩa tuy có hai mà trộn lẫn thành nhất giác, cùng xa lìa năng sở xa lìa mới cũ. Như Luận giải thích chép: Vì Thỉ giác ấy tức là đồng với Bốn giác, nên biết giác này vĩnh viễn xa lìa các tướng sanh diệt thỉ chung. Bắt đầu từ Sơ Địa cho đến Phật Địa, chỉ có phần - mãn không như nhau mà thôi. Như Thập Địa Luận trong bốn phần chép: “Tự Thể xưa nay Không - có không hai bất tận, cho đến nói rộng ra”. Lại, nhất giác này có nghĩa về Bốn - Thỉ, vì có nghĩa về Bốn giác hiển bày thành tựu. Nói về chân tu cũng có đạo lý vì có nghĩa về Thỉ giác tu thành tựu. Bàn về mới tu cũng có đạo lý, như thiên chấp đó tức là có chưa sạch hết, hãy ngưng nương vào luận trở lại giải thích Bốn. Văn mở rộng về quán Vô tướng xong tùy theo trước.

Kinh: “Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Chúng

sanh chi tâm tánh bốn vắng lặng, vắng lặng chi tâm thể vô sắc tướng, vân hà tu tập đắc bốn không tâm, nguyện Phật từ bi vị ngã giảng nói”. Bồ-tát Giải Thoát lại bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm tánh của chúng sanh vốn Vắng lặng, tâm Vắng lặng Thể không có sắc tướng, làm sao tu tập đạt được tâm Không vốn có? Cúi xin Đức Phật từ bi giảng nói cho con nghe.

**Luận chếp:** Từ đây trở xuống là phần thứ hai lặp đi lặp lại quyết định nghi ngờ, có bốn lần hỏi - đáp thứ tự quyết định nghi ngờ. Ý hỏi trong câu hỏi thứ nhất có hai: Một là tâm tánh chúng sanh xưa nay Vắng lặng mà hãy còn động niệm trôi lăn từ vô thủy, vì sao mới tu mà đạt được tâm vốn có? Hai là Thể của tâm Vắng lặng vô sắc tướng, chúng sanh xưa nay thường giữ lấy tướng có, vì sao luyện tập không có mà đạt được tâm Không? Vì thế nói là vì sao tu tập đạt được tâm Không vốn có. Câu hỏi trong này đã nói về tâm của chúng sanh phải là sáu Thức bằng tâm sanh diệt, vì sao có thể biết nhất tâm bốn giác? Đáp: Khởi Tín Luận chếp: “Có pháp có thể khơi dậy tín căn Đại thừa, nghĩa là tâm chúng sanh dựa vào pháp nhất tâm có hai thứ môn, cho đến nói rộng ra”. Còn như kinh chếp: “Vắng lặng ấy gọi là nhất tâm”. Nay văn này chếp: “Thể của tâm Vắng lặng không có sắc tướng”. Nói có ý trái phải làm cho trở lại giống nhau. Nói vô sắc ấy là không hiển bày sắc của các hình tướng. Vô tướng ấy là vì không có các tướng sanh diệt. Văn này chính là hiển bày tâm chân như môn. Trên nói về tâm của chúng sanh tạm thời đưa ra tâm sanh diệt môn, đưa ra tâm sanh diệt hiển bày chân như môn. Vì điều này cho nên chếp: Tánh vốn Vắng lặng. Nhưng hai môn này Thể nó không hai, cho nên đều là pháp của nhất tâm.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Nhất thiết tâm tướng bốn lai vô bốn, bốn vô bốn xứ, vắng lặng vô sanh. Nhược tâm vô sanh tức nhập vắng lặng, tâm vắng lặng địa tức đắc tâm không. Thiện nam tử! Vô tướng chi tâm vô tâm vô ngã, nhất pháp tướng diệc phục như thị”. Đức Phật nói: Bồ-tát! Tất cả tâm tướng xưa nay không vốn có, vốn không có nơi vốn có, Vắng lặng vô sanh. Nếu tâm vô sanh tức là nhập vào Vắng lặng, tâm địa Vắng lặng tức là đạt được tâm Không. Nay người thiện nam! Tâm của vô tướng không có tâm - không có ngã, tất cả pháp tướng cũng giống như vậy.

**Luận chếp:** câu trả lời này có hai: Chính thức trả lời - quyết định trả lời. Nói Bồ-tát là từ để gọi Giải Thoát Bồ-tát. Văn dưới từ để gọi cũng đều giống nhau. Nhất thiết tâm tướng: Tất cả tâm và tâm sở động niệm của tám thức tướng ứng với hành tướng sai khác. Hoặc là hành

hoặc là tướng đều có bốn tướng. Bốn lai vô bốn, bốn vô bốn xứ: Tất cả tâm tướng thì hạt giống là căn bản, cầu hạt giống căn bản này mãi mãi không thật có. Vì sao? Vì đang lúc này đã là quá khứ. Nếu đang lúc này tức là cũng với quả đều không có đầu đuôi khác nhau, như trâu hai sừng. Nếu đã là quá khứ thì không có tác nhân - không có Thể tánh, giống như sừng thỏ. Đạo lý như vậy thì pháp xưa nay như thế. Vì điều này cho nên nói Bốn lai vô bốn. Còn tâm sanh diệt sanh thì chắc chắn dựa vào nơi vốn có, nơi vốn có đã không tức là không thể được sanh ra. Nói là Bốn xứ, nghĩa là đều có căn, năm sắc căn đó đã là sắc pháp, có phương hay không có phương đều không thật có. Ba sở y còn lại đều là vô sắc pháp, có thời hay không có thời hoàn toàn không thật có. Vì thế cho nên cũng nói Bốn vô bốn xứ, nghĩa là từ xưa đến nay không có nơi vốn có đó, đã không có hạt giống vốn có cũng không có nơi chốn vốn có, nên biết tâm tướng xưa nay không có sanh ra. Vì điều này cho nên chép: Vắng lặng vô sanh. Lúc quán sát như vậy không thể nào sanh khởi, tâm năng quán đó cũng không có sở sanh, lúc này chính là nhập vào Vắng lặng vốn có. Đã nhập vào Vắng lặng tức là nhất tâm, tất cả sở y gọi đó là Địa, cho nên nói là: Tức nhập Vắng lặng. Tâm địa Vắng lặng tuy các chúng sanh trôi lăn xưa nay, thường giữ lấy tướng có, nhưng dựa vào môn này là suy xét tìm tòi quán sát, thì có thật có tâm vốn Không, cho nên nói là: Tức đắc tâm Không. Tâm - Không - Không tâm nói có trái phải, chỉ là nghĩa của nhất tâm bốn giác. Chính là trả lời câu hỏi xong tùy theo trước. Dưới đây là kết thúc trả lời. Tâm vô tướng là nêu Thể của một tâm. Vô tâm vô ngã ấy là kết luận điều đã nói trước đó, trong tâm Vắng lặng vô sanh vô tướng, xa lìa tướng tâm - ngã, tướng của tất cả các pháp cũng như vậy ấy là tiếp tục kết luận về Vắng lặng, chẳng phải trực tiếp xa lìa hai tướng tâm - ngã này, tất cả pháp hữu vi - vô vi còn lại đó cho đến các tướng vô tướng có cao hơn - không có cao hơn trong tâm đều xa lìa hết.

Kinh: “Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Nhất thiết chúng sanh nhược hữu ngã giả, nhược hữu tâm giả, dĩ hà pháp giác linh bỉ chúng sanh xuất ly tứ phược”? Bồ-tát Giải Thoát lại bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh nếu có ngã, hoặc có tâm dùng pháp nào hiểu biết khiến cho chúng sanh kia vượt ra xa lìa sự trói buộc này?

**Luận chép:** Từ đây trở xuống là trả lời câu hỏi thứ hai. Trả lời một câu hỏi trước đây là nói chung về phá trừ môn Hữu tướng. Nay trả lời câu hỏi này là nói riêng xa lìa môn hai trói buộc, nêu riêng hai bệnh



để hỏi về thuốc của bệnh đó. Nói là có ngã ấy là bệnh của chấp người, nếu có tâm là bệnh của chấp pháp. Nói sự trói buộc là phân biệt mà nói về điều đó. Chấp người là sự trói buộc nặng nề, chấp pháp là tướng trói buộc. Nói theo Thông thường thì hai chấp đều có tướng trói buộc nặng nề. Lại hai chấp này đều có hai trói buộc, đó là tương ứng trói buộc và năng duyên trói buộc, trong chương về hai chương nghĩa đó đã có đủ.

Trong phần trả lời có hai: Trước là chữa trị chấp người, sau là điều trị chấp pháp, trong phần chữa trị chấp người trước là chung, sau là riêng.

Kinh: “Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu ngã giả linh quán thập nhị nhân duyên.” Đức Phật nói: Này người thiện nam! Nếu có ngã thì dạy quán xét mười hai nhân duyên.

**Luận chép:** Đây là điều trị chung. Quán xét mười hai chi lược có hai môn: 1. Quán vô tác duyên sanh, chữa trị chấp về tác giả, như nói sự việc này có cho nên việc này có. 2. Quán vô thường duyên sanh, chữa trị bệnh chấp thường trụ, như nói việc này sanh cho nên việc này sanh. Lý do Ngã tồn tại lấy hai môn này làm căn bản, gốc đã nhỏ bỏ cho nên cành nhánh cũng khô héo theo.

Kinh: “Thập nhị nhân duyên bản từng nhân quả, nhân quả sở khởi hưng ư tâm hành, tâm thượng bất hữu hà hướng hữu thân. Nhược hữu ngã giả linh diệt hữu kiến, nhược vô ngã giả linh diệt vô kiến.” Mười hai nhân duyên vốn thuận theo nhân quả, nhân quả đã khởi lên phát động ở tại tâm hành, tâm còn không có hướng chi có thân. Nếu có ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về có, nếu không có ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về không.

**Luận chép:** Đây là chữa trị riêng. Chữa trị riêng có hai: Một là so sánh chữa trị ; hai là lần lượt chữa trị. Trong so sánh chữa trị nói là Bản từng nhân quả là thuận theo chung đưa ra riêng. Nói chung thì, chỉ có nhân và quả. Từ nhân đưa ra hai và ba, từ quả đưa ra năm và hai. Lại, từ nhân đưa ra mười chi, từ quả nói về hai chi cho nên vốn thuận theo căn bản chỉ là nhân quả. Nhân quả đã khởi lên phát động tại tâm hành ấy là, khởi lên nhân quả thì tâm hành làm căn bản, tâm có thể làm nhân thì tâm nhận lấy quả. Tâm còn không có hướng chi có thân là dựa vào đạo lý quán sát đã nói ở trên thì tâm không thật có, hướng chi tâm vốn làm nên sắc thân là có ư? Thân tâm còn không có hướng chi có ngã sao? Lại, tâm không có cho nên nhân quả cũng Không, nhân quả hãy còn Không hướng chi có Ngã ư? Lại, nhân quả Không cho nên mười hai chi là Không. Hướng chi là Tác giả - Thọ giả v.v... chẳng? Như kinh chép: “Bồ-tát quán mười hai nhân duyên như hư không không thể cùng tận”,

là nói về điều này. Đã nói là so sánh phá trừ, thế nào là lần lượt chữa trị? Nghĩa là nếu có Ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về có. Nói về so sánh phá trừ trước đây là diệt đi cái chấp ngã. Nếu không có Ngã ấy thì khiến cho dứt trừ cái thấy về không, đây chính là lần lượt phá trừ căn bệnh chấp vô ngã. Vì sao? Vì trước đây phá trừ ngã chấp xa lìa căn bệnh ngoại đạo, mà giữ lấy vô ngã cho nên rơi vào căn bệnh của nhị thừa, nay lần lượt phá trừ cái thấy đắm vào không có, Ngã vốn chẳng phải có huống chi có Ngã là không, cho nên hai quán chung và riêng phá trừ Ngã chấp hoàn tất.

Kinh: “Nhược tâm sanh giả linh diệt diệt tánh, nhược tâm diệt giả linh diệt sanh tánh, diệt thị kiến tánh tức nhập thật tế.” Nếu tâm sinh ra thì khiến cho dứt trừ tánh diệt, nếu tâm diệt đi thì khiến cho dứt trừ tánh sanh, dứt trừ tánh thấy này thì hội nhập thật tế.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai chữa trị về thấy còn lại tâm. Trong đó có hai: Chính là chữa trị và giải thích lại. Pháp của nhị thừa ... chấp còn lại tâm, cho rằng có tâm sanh diệt vô thường, cho nên phá trừ sanh diệt, diệt đi cái thấy còn lại tâm. Nếu còn lại tâm sanh khởi mà thành bệnh thì phá trừ tánh diệt trước, phải dựa vào sự dứt trừ kia giữ lại sanh ra này. Nếu thấy sau khi dứt trừ mà chấp tâm có hiện hữu, nếu tâm không diệt thì cũng giống như sừng thỏ. Phá trừ cái thấy như vậy khiến cho diệt đi tánh sanh, vì bất sanh mà có diệt đi thì không hợp với lý. Dứt trừ tánh thấy này thì hội nhập thật tế ấy là, phá trừ cái thấy tánh diệt đi chắc chắn không giữ lấy sanh, phá trừ cái thấy tánh sanh ra chắc chắn không giữ lấy diệt, cho nên không giữ lấy sanh - diệt, thì chắc chắn không còn lại tâm.

Kinh: “Hà dĩ cố bổn sanh bất diệt, bất diệt bất sanh, bất diệt bất sanh, bất sanh bất diệt, nhất thiết pháp tướng diệc phục như thị”. Tại vì sao vốn có sanh mà không diệt đi, không diệt đi bất sanh ra, bất sanh ra không diệt đi, tất cả pháp tướng cũng giống như vậy.

**Luận chép:** Đây là giải thích lại. Vì sao thấy tâm sanh thì khiến cho diệt tánh diệt, thấy tâm diệt đi thì khiến cho dứt trừ tánh sanh cho nên nói là tại vì sao? Kế là giải Thích Câu hỏi này. Bổn sanh bất diệt: Cầu tâm sanh khởi trước đây mãi mãi không thật có, không thật có thì có pháp nào mà dứt trừ? Như vậy không giữ lại tánh diệt của tâm trước tức là không có thể giữ lấy sanh khởi của tâm này, cho nên nói là Bất diệt bất sanh, là giải thích lý do khiến cho diệt đi tánh diệt. Kế là nói Bất diệt bất sanh, nói lại bất diệt trước đây nay không có thể sanh khởi. Như vậy không đạt được tánh sanh khởi của tâm này, thì không có thể

giữ lấy tánh diệt đi của tâm này, cho nên nói là Bất sanh bất diệt, là giải thích lý do khiến cho diệt đi tánh sanh. Như đối với tâm pháp không có diệt đi - không có sanh ra, các pháp còn lại đó cũng giống như quán này, cho nên nói là tất cả pháp cũng như thế. Hỏi: Nếu cho tâm sanh thật sự phá trừ sự sanh khởi này, đâu cần phải phá trừ sự diệt đi của tâm trước kia? Đáp: Sanh khởi này là hiện tại phá trừ cái có không dễ dàng, tâm trước tự mình vượt qua hiểu rõ Không chẳng khó gì, cho nên trước tiên phá trừ cái dễ dàng mà bỏ đi cái khó đó. Dựa vào thứ tự này phá trừ tánh sanh hiện tại. Từ đó lập tức bỏ đi cái chấp về diệt sau này, đây gọi là phương pháp hết sức khéo léo của y Vương vậy.

Kinh: “Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Nếu có chúng sanh kiến pháp sanh thời linh diệt hà kiến?” Giải Thoát Bồ-tát lại bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh lúc thấy pháp - sanh thì dạy họ diệt trừ cái thấy nào?

**Luận chép:** Dưới đây là phần hỏi - đáp thứ ba. Kế là lần hỏi - đáp trước nói về căn bệnh thấy của sự diệt. Nay lần hỏi - đáp này nói lên vị thuốc thấy của năng diệt. Lại, trước đây phá trừ cái thấy của hai thời gian sanh - diệt, nay phá trừ cái thấy của hai bên có - không. Ý câu hỏi này là nói nếu hành giả quán xét, thuận theo ý Đức Phật dạy bảo thì lúc quán pháp sanh khởi khiến cho dứt trừ cái thấy nào? Dứt trừ cái thấy nào ấy là hỏi về ý dạy bảo của Đức Phật, tạm thời nêu ra một bên bao gồm nói rõ về quán diệt.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Nhược hữu chúng sanh kiến pháp sanh thời linh diệt vô kiến, kiến pháp diệt thời linh hữu kiến. Nhược diệt thị kiến đắc pháp chân vô nhập quyết định tánh, quyết định vô sanh.” Đức Phật nói: Bồ-tát! Nếu có chúng sanh lúc thấy pháp sanh thì dạy họ dứt trừ cái thấy về Không, khi thấy pháp diệt thì dạy họ dứt trừ cái thấy về có. Nếu dứt trừ cái thấy này thì đạt được sự “không có” chân thật của pháp và nhập vào tánh quyết định, quyết định vô sanh.

**Luận chép:** Lúc thấy pháp sanh chính là lúc chính là quán tục pháp do nhân duyên sanh, lúc này có thể xa lìa kiến chấp về Không, cho nên nói khiến cho dứt trừ cái thấy về “không”. Lúc thấy pháp diệt chính là lúc chính là quán tục pháp xưa nay vốn diệt, lúc này có thể xa lìa chấp “có”, cho nên nói khiến cho dứt trừ cái thấy “có”. Vì sao trong này nói là khiến cho dứt trừ ấy là vì Đức Phật dạy bảo thường khiến cho người quán sát dứt trừ. Ý này chính là nói về hành giả tu quán lúc pháp sanh khởi chỉ xa lìa cái thấy “không có” mà không chấp còn sự sanh khởi, lúc quán vắng lặng chỉ xa lìa cái thấy “có” mà không chấp

lấy có sự dứt trừ. Vì sao? Vì nếu chấp còn sanh ư? Thì sanh vốn vắng lặng, nếu chấp lấy diệt ư? Thì diệt tức là sanh khởi. Như dưới đây tụng chép: “Nhân duyên sở sanh nghĩa thị nghĩa diệt phi sanh, diệt chư sanh diệt nghĩa thị nghĩa sanh phi diệt, sở dĩ năng ly nhị biên nhi bất trước trung, như kỳ ly vô thủ hữu không” Nghĩa sanh do nhân duyên là nghĩa diệt chẳng sanh, nghĩa diệt các sanh diệt là nghĩa sanh chẳng diệt, cho nên thường lia hai bên mà không mê đắm Trung, nếu lia không lấy có phá có lấy Không, đây là rỗng không, giả dối mà chẳng phải sự “không có” chân thật. Nay tuy xa lia có mà chẳng còn lại Không, như vậy chính là đạt được sự “không” chân thật của các pháp, cho nên nói là đạt được sự “không” chân thật của pháp. Nghĩa quyết định tánh như trước đã nói. Lúc đạt được chân thật Không, quán tâm bất sanh khởi xa lia tất cả tâm có - không, cho nên nói là quyết định vô sanh.

Kinh: “Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Linh bỉ chúng sanh trụ ư vô sanh thị vô sanh dư?” Bồ-tát Giải Thoát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Khiến cho chúng sanh kia an trụ nơi vô sanh là vô sanh chăng?

**Luận chép:** Dưới đây là phần hỏi - đáp thứ tư. Trước nói về chân quán lia bỏ tướng hai bên, nay hiển bày cái hiểu lường đối không xa lia sanh trụ nghĩa là có hành giả ít học tu quán ý nói phân biệt, quán pháp bất sanh khởi, có thể nhiếp phục sự tán loạn và trụ cảnh Vô sanh, dấy lên ý niệm như vậy cho là bất sanh khởi, sau lúc xuất định khởi lên tăng thượng mạn, ý nói rằng đã đạt được vô sanh pháp nhẫn. Vì phá trừ căn bệnh này cho nên nêu ra căn bệnh để thưa hỏi: An trụ nơi vô sanh là vô sanh chăng?

Kinh: “Phật ngôn: Trụ ư vô sanh tức thị sanh, hà dĩ cố? Vô trụ vô sanh nãi thị vô sanh.” Đức Phật nói: Trụ nơi bất sanh khởi chính sanh khởi. Vì sao? Vì không an trụ bất sanh khởi chính là vô sanh chăng?

**Luận chép:** trong phần trả lời có hai: trả lời Sơ lược và giải thích rõ lại. Đây chính là trả lời sơ lược, có hai câu về điều đó, câu trước thuận theo nói về Chính là sanh khởi, an trụ nơi cảnh bất sanh khởi tức là tâm phân biệt phát sinh, câu sau lại giải thích về bất sanh khởi nếu tâm không an trụ vào cảnh bất sanh khởi thì lia bỏ các sự phân biệt là vô sanh nhẫn. Vì thế biết rằng có an trụ thì chẳng phải vô sanh nhẫn. Như vậy trở lại giải thích, vẫn sơ lược trả lời xong.

Kinh: “Bồ-tát! Nhực sanh vô sanh dĩ sanh diệt sanh, sanh diệt câu diệt bốn sanh bất sanh, tâm thường vắng lặng, vắng lặng vô trụ, tâm vô hữu trụ nãi thị vô sanh.” Nay Bồ-tát! Nếu sanh khởi không có

sanh khởi lấy sanh diệt sanh khởi, sanh diệt đều diệt đi, vốn sanh khởi bất sanh, tâm thường Không vắng lặng, Vắng lặng không có an trụ, tâm không có an trụ mới chính là vô sanh.

**Luận chép:** Đây là giải thích rõ lại, trong đó có hai: Trước nói rõ chính là sanh, sau nói rõ về vô sanh. Nếu có an trụ tâm sanh khởi ở tại cảnh không có sanh khởi, tức là lấy sanh diệt sanh khởi của cảnh giới đó, cho nên nói là “Nếu sanh khởi, không có sanh khởi, lấy sanh diệt sanh khởi”. Tuy diệt sự sanh khởi của cảnh giới mà giữ lấy cái không diệt của diệt đó, ở nơi cảnh không có diệt đó có thể giữ lấy tâm sanh khởi, sanh và diệt đều còn, chẳng lẽ nói là vô sanh ư? Như vậy hai câu nói rõ chính là sanh khởi ở trước, chân thật vô sanh hẳn thì không thể như vậy. Bên ngoài không giữ lại đối với cái diệt của sở thủ, bên trong bất sanh khởi cái sanh của năng thủ, vì điều này cho nên nói là “Sanh diệt đều diệt”. Nhưng đều diệt này chẳng phải gọi là trở lại không có, suy xét tìm tòi vốn sanh khởi không đạt được sanh khởi đó, đã không có thể sanh khởi sao có thể trở lại diệt đi? Vào lúc chứng đạt lĩnh hội xưa nay vắng lặng cho nên nói là “Bản sanh bất sanh, tâm thường vắng lặng”. Như vậy Vắng lặng bình đẳng về năng sở, không có tâm năng trụ an trụ vào cảnh Không, cho nên nói là “vắng lặng vô trụ”. Như vậy mới gọi là vô sanh pháp nhẫn cho nên nói là “Chính là vô sanh”. Nói về quán Vô sanh hoàn tất tùy theo trước.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Tâm vô hữu trụ hữu hà tu học vi Hữu học dã vi Vô học dã?” Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm không có an trụ thì có gì tu học, là Hữu học hay là Vô học vậy?

**Luận chép:** Dưới đây là mở rộng về nghĩa Nhất giác trong đó tám lần hỏi - đáp, xét định chia làm hai phần: Hai lần hỏi - đáp trước là chính là mở rộng về nghĩa Nhất giác Như-lai-tạng, sáu lần hỏi - đáp sau dựa theo luận phát sanh luận trừ bỏ các nghi vấn khó xử lý. Đây là câu hỏi đầu tiên, hỏi về tâm không có an trụ. Nếu hàng người Hữu học tức là chẳng phải không an trụ, nếu hàng người Vô học thì chẳng quán hành. Lại, nếu người Hữu học cần phải có tâm sanh khởi, nếu người Vô học thì chỉ là lý Không.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Vô sanh chi tâm, tâm vô xuất nhập bản Như-lai-tạng tánh tịch bất động.” Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Tâm bất sanh khởi, tâm không ra vào, tánh Như-lai-tạng vốn vắng lặng không lay động.

**Luận chép:** Trong này trước là hiển bày rõ đạo lý - sau chính là

trả lời câu hỏi. Hiển bày rõ đạo lý là lúc đạt được không an trụ thì tâm không có sanh khởi - tâm thường vắng lặng, không có ra ngoài quán đạt được căn bản không phát khởi cũng chẳng phải bắt đầu nhập vào. Vì điều này cho nên nói “Tâm không có ra vào” Như vậy quán tâm đã không có ra vào, tức là tâm Bốn giác Như-lai-tạng, chính là nói về Thủ giác chính là giống như Bốn giác. Tâm không có sanh khởi này đã làm Bốn tạng xưa nay tánh vắng lặng không còn khởi lên dao động, làm sao có thể vào ra khởi lên hay dừng nghỉ” Lời nói này lại trở thành nghĩa không có ra vào.

Kinh: “Diệc phi Hữu học, diệc phi Vô học, vô Hữu học bất học thị tức Vô học phi Hữu học thị vi sở học”. Cũng chẳng phải Hữu học, cũng chẳng phải Vô học, không có học hay không học thì chính là Vô học, chẳng phải không có học chính là sở học.

**Luận chép:** Đây chính là thức trả lời ý câu hỏi, trong đó có hai: Trước là ngăn dứt - sau là thừa nhận. Đã chẳng phải bắt đầu nhập vào cho nên chẳng phải Hữu học, cũng không có cuối cùng vượt ra cho nên chẳng phải Vô học. Lại, không có tâm năng trụ cho nên chẳng phải Hữu học, chẳng thể không có tâm không an trụ cho nên chẳng phải Vô học. Đây là câu cùng ngăn dứt dừng lại. Không có học hay bất học thì chính là Vô học: Vì không phân biệt sở học tức là không phải năng học, theo nghĩa này cho nên thừa nhận là Vô học. Đây là dựa vào nghĩa chẳng phải Hữu học để thừa nhận là Vô học. Chẳng phải không có Hữu học chính là sở học: Tuy chẳng phải quán về có an trụ - chẳng phải không có hành vô trụ; vì nghĩa này cho nên thừa nhận là Hữu học. Đã là Hữu học cho nên là sở học của người Hạ địa. Đây theo nghĩa chẳng phải Vô học để thừa nhận là Hữu học. Đây là đều thừa nhận tự tại trả lời.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Văn hà Như-lai-tạng tánh tịch bất động?” Giải Thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Sao nói tánh Như-lai-tạng vắng lặng không dao động?

**Luận chép:** Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ hai: Trước đó nói về thủ giác không khác với Bốn giác của tánh Như-lai-tạng. Nay là chính là nói về tánh Như-lai-tạng tàng ẩn không dao động. Trong này nói lược về nghĩa của Như-lai-tạng. Môn Như-lai-tạng có hai có ba, nói là ba, như trong kinh Bất Tăng Bất Giảm chép: Trong pháp giới chúng sanh thị hiện ba thứ pháp, đều là chân thật Như không khác nhau không sai lệch. Ba pháp gồm? Một là Như-lai-tạng trong thời gian đầu tương ứng với Thể và pháp thanh tịnh, pháp này như thật không luống dối, không

lìa bỏ không thoát khỏi trí là pháp không thể nghĩ bàn, thời gian đầu từ vô thủy đến nay có pháp Thể tương ứng thanh tịnh này. Hai là Như-lai-tạng trong thời gian đầu “Bổn tế” không tương ứng với Thể và phiền não ràng buộc pháp không thanh tịnh, thời gian đầu này xa lìa thoát khỏi không tương ứng với phiền não ràng buộc pháp không thanh tịnh, chỉ có những năng đoạn về trí Bồ-đề của Như-lai. Ba là Như-lai-tạng trong thời gian vị lai bình đẳng lâu dài cho đến có pháp, tức là tất cả các pháp căn bản, đầy đủ tất cả pháp vốn có tất cả pháp, đối với pháp thế gian không lìa bỏ không thoát khỏi”. Xét rằng: “Là nói lên ba thứ Như-lai-tạng môn. Ba thứ ấy là? Một là thường thâm nhiếp Như-lai-tạng, lúc an trụ tự tánh có thể thâm nhiếp công đức quả địa của Như-lai, vì có thể thâm nhiếp Như-lai gọi là Như-lai-tạng. Hai là vốn thâm nhiếp Như-lai-tạng, nghĩa là phiền não ràng buộc, pháp thân thanh tịnh, tất cả đều ở trong trí của Như-lai, đều là sự thâm nhiếp giữ gìn của Như-lai, Như-lai vốn thâm nhiếp gọi là Như-lai-tạng. Ba là bao phủ che lấp Như-lai-tạng, nghĩa là Pháp thân Như-lai bị phiền não che đậy, Như-lai tự ẩn kín gọi là Như-lai-tạng”. Tam tạng Chân Đế thật hiện giải thích như vậy: Hiểu hết văn đó, tức là nói trong thời gian vị lai bình đẳng lâu dài cho đến có pháp ấy là Thể của nhất tâm khắp cả ba thời gian. Nhưng trong hai môn trước, đã nói lên thời gian ban đầu (bổn tế), trong đó nói về các thời gian sau (hậu tế). Còn muốn nói về nghĩa của Như-lai, nghĩa là thời gian vị lai bình đẳng lâu dài ấy chính là nghĩa của Như, nói cho đến có (cập hữu) ấy là nghĩa về Lai. Như trong Luận Phật Tánh chép: “Chân như này là có Như trong chẳng phải Như, không có chẳng phải Như cũng Như. Như của nhị thừa ấy là Như trong chẳng phải Như, là chẳng phải Như trong không có chẳng phải Như. Vì sao? Vì người nhị thừa dựa theo luống dối quán các tướng vô thường cho là Chân Như. Quán luống dối này chỉ là có trong nhân quả địa thì không có, vì thế cho nên Như này hoặc thành tựu hoặc hư hoại. Như của Bồ-tát là xa lìa luống dối, dựa theo tánh chân để quán sát Như cho nên đối với hai nơi nhân - quả không khác nhau chỉ thành tựu, không có hư hoại, cho đến nói rộng ra.” Vì thế biết thời gian sau (hậu tế) bình đẳng lâu dài chính là nói lên nghĩa như của Đại thừa. Vốn nói cho đến có (Cập hữu) là nói về nghĩa của Lai, đối tất cả pháp quá khứ nói lên một tâm vị lai, như lúc tất cả không còn năm pháp Thủ Uẩn không đến, quả địa mất đi mà không đến. Một tâm này giống như quả địa hãy còn có không bao giờ quá khứ; cho nên nói cho đến có (cập hữu) chính là nói lên nghĩa Lai. Như luận chép: “Từ an trụ tự tánh đến cùng cực đạt được”, chính là nói về điều này. Như

vậy một tâm thông suốt làm nơi y chỉ cho tất cả các pháp nhiệm tịnh, tức là phần vắng lặng xưa nay của các pháp căn bản, hằng sa công đức chẳng có gì không đầy đủ, cho nên nói là “bao trùm tất cả pháp”, phần dao động tùy theo duyên hằng sa pháp nhiệm chẳng pháp nào không vốn có, cho nên nói là “Đầy đủ tất cả pháp. Nhưng nêu ra pháp nhiệm để so với thể của tâm là không có thể thông suốt khắp nơi, cho nên xa lìa thoát khỏi. Nếu nêu ra thể của tâm so với các pháp nhiệm, thì khắp các pháp nhiệm chẳng pháp nào không thông suốt. Cho nên nói đối với pháp thế gian không lìa, không thoát. Nghĩa không lìa thoát là nghĩa ẩn tàng. Môn thứ ba này nói chung về nhất tâm, thông suốt đối với động - tĩnh làm chỗ dựa cho nhiệm tịnh. môn thứ hai là nói riêng về phần dao động, nơi nương tựa của pháp nhiệm. môn thứ nhất ấy là hiển bày riêng về phần vắng lặng, nơi nương tựa của pháp tịnh. Trong môn thứ hai nói thời gian đầu (bốn tế) không tương ứng với Thể là, các pháp phiền não trái với tâm Thể gọi là không tương ứng. Thể của nhất tâm dao động tùy theo duyên làm chỗ nương cho pháp kia, là thể của pháp không tương ứng. Nói “Và phiền não ràng buộc, pháp không thanh tịnh” ấy là: Pháp kia có thể dựa vào pháp dựa vào tâm Thể mà xoay chuyển, ràng buộc Thể của tự tâm khiến cho tùy theo nhiệm mà hợp lại giữ lấy pháp của năng y - sở y để làm Thể của Như-lai-tạng thứ hai. “Chỉ có những năng đoạn về trí Bồ-đề của Như-lai”: Vì chỉ riêng đạo giải thoát có thể chính là đoạn. Nghĩa này đầy đủ như trong chương về hai Chương giải thích. Trong môn thứ nhất nói thời gian đầu tương ứng với Thể ấy là vì môn vắng lặng xưa nay đầy đủ hằng sa công đức cùng với tâm tương ứng, là Thể tương ứng của công đức. Nói “Và pháp thanh tịnh” ấy là vì tánh công đức năng y xa lìa pháp nhiệm, hợp lại lấy pháp năng y và sở y để làm Thể cho Như Lai tạng thứ nhất. Pháp này như thật không lường dối, trí không lìa bỏ không thoát khỏi là pháp không thể nghĩ bàn ấy là giải thích về nghĩa tương ứng, vì nghĩa của pháp thân cùng với các pháp công đức tương ứng. Như văn trên chép: “Phật pháp tương ứng không xa lìa không thoát khỏi không dứt trừ không sai khác không thể nghĩ bàn gọi là Pháp thân”. Nghĩa này thế nào? Thể của một tâm này sơ lược có năm tướng. Những gì là năm? Một là xa lìa tướng sai khác của sở thủ. Hai là thoát khỏi cái chấp phân biệt của năng thủ. Ba là khắp cả thời gian ba đời không có gì không giống nhau. Bốn là hư không giới không có nơi nào không cùng khắp. Năm là không rơi vào các bên có - không - đồng - khác v.v... Vượt lên tâm hành xứ, qua khỏi ngôn ngữ đạo, hơn hẳn hằng sa chủng loại vốn có công đức cũng có năm nghĩa cùng với



Thể tương ứng: một là mỗi mỗi công đức xa lìa tướng sở thủ cho nên chẳng phải sự xa lìa của Pháp thân, cùng với tướng thứ nhất tương ứng, vì kinh nói "Bất ly". Hai là mỗi mỗi công đức thoát khỏi sự chấp năng thủ cho nên chẳng phải sự thoát khỏi của pháp thân, cùng với tướng thứ hai tương ứng, như kinh nói "Bất thoát". Ba là mỗi một công đức này khắp cả thời gian ba đời xuyên suốt trước đến sau không có gián đoạn, cùng với tướng thứ ba tương ứng cho nên nói "Bất đoạn". Bốn là mỗi một đức này sánh bằng hư không giới, ngang không có nơi này nơi kia khác nhau, cùng với tướng thứ tư tương ứng cho nên nói "Bất dị". Năm là mỗi một công đức đều xa lìa các bên chẳng phải cảnh giới suy nghĩ - bật dứt con đường nói năng, cùng với tướng thứ năm tương ứng, như kinh nói "Bất tư nghị". Các pháp công đức có năm nghĩa này, cùng với Thể không có sai khác dung thông một ý vị. Từ đạo lý này gọi là tương ứng, chẳng giống như Vương - Sở phân biệt Thể tương ứng.

Nay trong này nói trí không xa lìa không thoát khỏi, pháp không thể nghĩ bàn ấy là trong các công đức sơ lược nêu ra nghĩa về Giác, trong năm tương ứng sơ lược nói về ba nghĩa, đây là nghĩa thứ nhất Năng nhiếp tạng. Nghĩa về ba thứ Tạng sơ lược thuật ra như vậy. Nói về Nhị môn ấy như Kinh Phu Nhân chép: "Không Như-lai-tạng ấy là hoặc xa lìa hoặc thoát khỏi hoặc khác với tất cả phiền não tạng. Bất Không Như-lai-tạng ấy là không xa lìa không thoát khỏi không khác nhau không thể nghĩ bàn về Phật pháp". Xét rằng: "Các pháp phiền não đều là luống dối vì cảnh không thật cho nên hư, do Thể tán loạn cho nên vọng, vọng cho nên không có chân, hư cho nên không có thật, không có chân thật cho nên nói gọi là Không. Có thể che phủ Như-lai, gọi là Như-lai-tạng, tức là nghĩa về Không, ẩn kín che phủ chân. Tướng của các cảnh phiền não không thật vốn xa lìa pháp thân cho nên nói là "Hoặc xa lìa". Ràng buộc của các phiền não thể theo vọng chấp là chỗ thoát khỏi của Pháp thân cho nên nói là "Hoặc thoát". Nói "Hoặc khác" ấy tức là sự phân biệt sai khác luống dối trước kia trái với tính bình đẳng của Pháp thân. Vì ba nghĩa này không tương ứng, là không có chân thật nên tức là nghĩa không. Nói "Bất không" ấy là, tất cả công đức cùng với Thể tương ứng, Thể chẳng phải vọng cho nên chân, cảnh chẳng phải hư cho nên thật. Vì chân thật cho nên nói tên là Bất Không. Như-lai bị che phủ ẩn kín gọi là Như-lai-tạng, các câu như "Không lìa, không thoát v.v..." là giải thích về nghĩa của Bất Không, nghĩa giống như ba thứ Tạng môn đã nói. Nhưng thể Như-lai-tạng của Bất Không trong này chính là pháp thứ nhất trong ba pháp trước, nghĩa không

trong này là pháp thứ hai kia, mà nghĩa của che phủ ẩn kín trong ba thứ Như-lai-tạng kia hợp lại ở pháp thứ ba. Vì thế trong hai thứ trước hiển bày riêng về hai nghĩa Năng nhiếp và Sở nhiếp, nay hai loại Như-lai-tạng môn này muốn hiển bày nghĩa Không, ẩn tàng che phủ chân thật, nên riêng hai nghĩa Năng che và bị che. Lại nữa hai kinh này cùng hiển bày nghĩa riêng cho nên hai môn hai là ba giải thích khác nhau. Tạm thời kết thúc luận về Thừa mà trở lại giải thích bốn văn.

Kinh: “Phật ngôn: Như-lai-tạng giả sanh diệt lự tri tướng, ẩn lý bất hiển thị Như-lai-tạng tánh tịch bất động.” Đức Phật nói: Như-lai-tạng ấy là tướng sanh diệt suy nghĩ hiểu biết, lý ẩn kín không hiển bày là tánh vắng lặng không dao động của Như-lai-tạng.

**Luận chép:** Tướng sanh diệt suy nghĩ hiểu biết ấy tức là Không Như-lai-tạng. Nhưng trong văn này hiển bày nghĩa Năng ẩn mà không gọi đây là Như-lai-tạng. Nói lý ẩn kín không hiển bày là Như-lai-tạng ấy là Bất Không Như-lai-tạng, dựa theo nghĩa Sở ẩn gọi là Như-lai-tạng. Nói tánh vắng lặng không dao động ấy là hiển bày Tạng tánh này, tuy ẩn kín mà không thay đổi. Tánh này có năm nghĩa, như Vô Tướng Luận chép: “Một là nghĩa chủng loại là nghĩa Tánh, như các loại bình chậu áo quần v.v... tất cả sắc pháp không xa lìa bốn Đại, chủng loại đều lấy bốn Đại làm tánh. Như vậy chúng sanh không vượt ra một cõi giới, đều dùng một cõi giới làm chủng loại, Nhiếp Đại thừa Luận gọi là Thể loại nghĩa, trong Phật tánh luận gọi là Tự tánh nghĩa, nói có nhiều cách mà ý không khác nhau. Hai là nghĩa về nhân là nghĩa Tánh, như trong gỗ có tánh lửa, cùng với lửa làm nhân cho nên gọi là tánh. Như vậy các pháp vô lậu của bậc Bạc Thánh lấy đây làm nhân mà được thành tựu, trong hai Luận kia cùng gọi là về nghĩa về nhân. Ba là nghĩa về sanh là nghĩa Tánh, như luyện vàng thật sanh ra đồ dùng trang nghiêm các thứ này được sanh ra lấy vàng làm tánh; cõi giới này cũng như vậy, có thể phát sinh quả địa của năm Phần pháp thân, nảy sinh pháp Thân thân cõi giới này làm tánh, trong Nhiếp Đại thừa luận cũng gọi là Sanh nghĩa, trong Phật Tánh Luận gọi là Chí Đắc Nghĩa, bởi vì nghĩa của Biệt nhân là ở trước quả, ngay nơi đã nảy sinh gọi là Chí Đắc nghĩa. Bốn là nghĩa về không thay đổi là nghĩa Tánh, giống như tánh quý báu của kim cương tồn tại ngang một kiếp không thêm thêm không bớt bớt. Như vậy cõi giới này an lạc trụ ngang bằng ba đời, thế gian không hư hoại - xuất thế gian không cùng tận, trong hai Luận kia gọi là Chân thật nghĩa, nghĩa chân thật ấy là nghĩa không hư hoại, cho nên nói khác nhau mà ý như nhau. Năm là nghĩa về mật tạng là nghĩa Tánh, như trong đá vàng

(hoàng thạch) có tánh vàng thật, nếu không phá vỡ quặng mỏ thì không có gì lợi ích, thuận theo nung luyện sửa trị thì có công dụng quý báu. Vì thế cho nên tánh kia là nghĩa tàng ẩn kín đáo. Tánh Như-lai-tạng nên biết rằng cũng như vậy, không phá bỏ sự ràng buộc vì bên ngoài, vì ô nhiễm, phá bỏ sự ràng buộc tương ứng trở thành bên trong trở thành thanh tịnh, cho nên biết rằng tánh này là nghĩa của mật tạng. Trong luận Phật Tánh gọi là nghĩa Bí Mật, Luận Nhiếp Đại thừa gọi là Tạng nghĩa, nghĩa như nhau mà nói khác nhau, rõ ràng như vậy có thể thấy. Nay trong văn nói về tánh là bao gồm năm nghĩa này. Vắng lặng không dao động là nói lược về hai thứ sau. Vắng lặng là nghĩa của Mật tạng, không dao động là nghĩa không thay đổi, do đó trên đây chính là mở rộng về nghĩa của Nhất Giác hoàn tất.

Kinh: “Giải Thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vân hà sanh diệt lự tri tướng?” Bồ-tát Giải thoát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Sao nói là tướng sanh diệt suy nghĩ hiểu biết?

**Luận chép:** Từ đây trở xuống có sáu lần hỏi - đáp nhờ luận để sanh khởi giải quyết các nạn nghi. Đây lần hỏi đáp thứ nhất nói về tướng suy nghĩ hiểu biết thường ẩn kín.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Lý vô khả bất nhược hữu khả bất tức sanh chư niệm thiên tư muôn lự thị sanh diệt tướng”. Đức Phật nói: Nay Bồ-tát! Lý không có đúng sai, nếu có đúng sai thì nảy sinh nhiều niệm suy nghĩ, là tướng sanh diệt.

**Luận chép:** Trong câu trả lời có hai lớp: Trước là trả lời sơ lược - sau là mở rộng phát triển. Trong phần sơ lược trả lời hai câu trước nêu ra sở mê. Vốn mê mờ lý tâm hành xứ diệt, cho nên nói “Lý vô khả bất”. Khả ấy là đúng, Bất ấy là sai. Lý dứt bốn câu lia đúng sai, những hành xứ của tâm phân biệt sai trái. Kế là nói về năng mê. Nếu có đúng sai thì sinh ra nhiều niệm ấy là vì có vô minh không hiểu được bình đẳng, lập tức có tâm phân biệt đúng sai, do vậy khởi lên đủ sáu thứ tâm ô nhiễm. Nhiều niệm suy nghĩ là tướng sanh diệt: Sáu thứ tâm ô nhiễm tuy có thô tế nhưng đều trái với bình đẳng, cho nên là tướng sanh diệt. Như trong Khởi Tín luận chép: “Lại, tướng sanh diệt phân biệt ấy sơ lược có hai thứ. Thế nào là hai? Một là thô, vì cùng với tâm tương ứng. Hai là tế, vì cùng với tâm không tương ứng. Lại, thô của trong thô là cảnh giới phàm phu, tế ở trong thô - thô ở trong tế là cảnh giới Bồ-tát, tế ở trong tế là cảnh giới Phật. Hai thứ sanh diệt này dựa vào vô minh huân tập mà có, đó gọi là dựa vào nhân - dựa vào duyên. Dựa vào nhân ấy là nghĩa của không hiểu biết, dựa vào duyên ấy là nghĩa của vọng tác cảnh giới.

Nếu nhân diệt đi thì duyên diệt, nhân diệt cho nên tâm không tương ứng diệt, duyên diệt cho nên tâm tương ứng diệt”. Xét rằng: “Thô trong này cùng với tâm tương ứng ấy gọi là ba thứ tương ứng nhiễm, tế không tương ứng với tâm ấy là ba thứ không tương ứng nhiễm. Thô trong thô gọi là chấp tương ứng nhiễm - chẳng đoạn tương ứng nhiễm đều ở sáu Thức cho nên cảnh giới phạm phu. Tế ở trong thô ấy gọi là trí phân biệt tương ứng nhiễm ở Thức thứ bảy, Thô ở trong tế gọi là hiện sắc không tương ứng nhiễm thường thấy tâm không tương ứng nhiễm. Tế ở trong tế gọi là nghiệp căn bốn không tương ứng nhiễm. Ba thứ này đều ở vị trí thức thứ tám. Trong này ba thứ tế sanh diệt bị gió vô minh làm cho dao động, vì thế nói “Nhân diệt cho nên tâm không tương ứng diệt”; ba thứ thô sanh diệt, bị gió cảnh giới làm dao động, nên nói duyên diệt thì tâm tương ứng diệt. Trong đó biết đích xác, như trong Luận, Sơ kia giải thích.” Nay kinh này nói “thiên tư” ấy là thâm nhiếp chung phân biệt tế của tất cả không tương ứng nhiễm, “Muôn lự” là chung thâm nhiếp phân biệt thô của tất cả tâm tương ứng nhiễm. Hai thứ này đều là tướng của động niệm, vì điều này cho nên nói là tướng sanh diệt.

Kinh: “Bồ-tát quán bốn tánh tướng, lý tự mãn túc, thiên tư muôn lự bất ích đạo lý, đồ vi động loạn thất tổn tâm vương.” Bồ-tát quán sát tánh tướng vốn có, lý tự nhiên đầy đủ, nhiều niệm suy nghĩ không ích gì cho đạo lý, chỉ làm hỗn loạn mất đi tâm vương lúc đầu.

**Luận chép:** Dưới đây là mở rộng, trong đó có ba: Một là đối với tướng sanh diệt nói lên lý đầy đủ. Hai là đối với lý đầy đủ nói về nhiễm thiếu sót mất đi. Ba là phân rõ thuận theo lý diệt nhiễm không còn dao động là lợi ích hưởng vắng lặng. Trong phần đầu nói là Bồ-tát ấy là từ để gọi Bồ-tát Giải Thoát. Quán sát tánh tướng vốn có ấy là Đức Phật quán xét tánh Bốn giác Như-lai-tạng. Lý tự nhiên đầy đủ là vốn quán xét Bốn giác Như-lai-tạng lý đầy đủ vô lượng tánh công đức. Như trong Luận Khởi Tín chép: “Lại, chân như tự Thể tướng ấy từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ tất cả công đức, đó gọi là nghĩa về Tự Thể có ánh sáng trí tuệ rộng lớn, nghĩa về soi chiếu khắp cả pháp giới, nghĩa về chân thật hiểu biết, nghĩa về tự tánh thanh tịnh tâm, nghĩa về thường lạc ngã tịnh, nghĩa về trong lành tự tại không thay đổi. Đầy đủ như vậy vượt quá hằng sa Phật pháp không xa lìa không dứt trừ không khác nhau không thể nghĩ bàn cho đến đầy đủ không có nghĩa nào bị thiếu đi cho nên gọi là Như-lai-tạng, cũng gọi là Như-lai pháp thân. “Nay kinh này nói Lý tự nhiên đầy đủ, nói chung đầy đủ công đức như vậy. Văn đoạn thứ nhất hoàn tất. Kế là nói về sai lầm của động niệm sanh diệt. trong đó nói

chung về không ích lợi mà có tổn hại, như trong Luận kia giải thích mở rộng về nghĩa này nói”.

Hỏi: Trước nói chân như Thế đó bình đẳng, xa lìa tất cả tướng, vì sao lại nói Thế có các loại công đức như vậy?

Đáp: Tuy thật sự có nghĩa về các công đức này, mà tướng không có sai khác, cùng một vị như nhau duy nhất chân như. Nghĩa này nói gì? Vì không có phân biệt xa lìa tướng phân biệt, vì thế cho nên không có hai. Lại vì sao có thể nói về sai khác? Vì dựa vào tướng sanh diệt của nghiệp thức để chỉ ra. Đây vì sao chỉ ra? Vì tất cả các pháp xưa nay chỉ do tâm thật sự không có tướng niệm, mà có vọng tâm bất giác khởi niệm, thấy các cảnh giới cho nên nói là vô minh, tâm tánh không khởi lên chính là nghĩa của ánh sáng trí tuệ rộng lớn. Nếu tâm khởi lên thấy thì có tướng của không thấy, tâm tánh xa lìa thấy tức là nghĩa của soi chiếu khắp cả pháp giới. Nếu có tâm dao động thì chẳng phải chân thật hiểu biết, không có tự tánh chẳng phải thường - chẳng phải lạc - chẳng phải ngã - chẳng phải tịnh, cho đến nghĩa của đầy đủ vượt quá hằng sa các vọng nhiễm bình đẳng. Đối chiếu với nghĩa này cho nên tâm tánh không dao động tức là có nghĩa thị hiện về vượt quá hằng sa, bình đẳng các tướng công đức thanh tịnh. Nếu tâm có khởi lên lại thấy pháp trước đây có thể niệm nhớ, tức là có các thiếu kém. Như vậy pháp thanh tịnh pháp công đức vô lượng tức ngay một tâm này lại không có gì niệm nhớ. Thế nên đầy đủ gọi là tạng Pháp thân của Như-lai. “Nay kinh này nói chỉ làm hỗn loạn là vì tâm có dao động chẳng phải chân thật hiểu biết, không có tự tánh, chẳng phải Thường - Lạc - Ngã - Tịnh v.v... cho nên nói là dao động. Vì tâm khởi lên thấy tức là có các tướng của không thấy, cho nên nói là hỗn loạn. Mất đi tâm vương ban đầu là vô lượng công đức ngay nơi một tâm này, một tâm làm chủ nên gọi là tâm vương. Sanh diệt dao động hỗn loạn làm trái tâm vương này không thể nào quay trở về cho nên nói là mất đi.

Kinh: “Nhược vô tư lự tức vô sanh diệt, như thật bất khởi, chư thức an tịch lưu chú bất sanh, đắc ngũ pháp tịnh, thị vị Đại thừa”. Nếu không có lo nghĩ thì không có sanh diệt, như thật sự không khởi lên, các Thức yên ổn vắng lặng nhập vào bất sanh, đạt được năm pháp thanh tịnh đây gọi là Đại thừa.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ ba thuận theo lý diệt nhiễm không còn dao động chính là vắng lặng. Trong đó có hai: Chính thức hiển bày - trở lại thành tự. Đây tức là chính thức hiển bày không còn dao động chỉ có vắng lặng. Nếu không có suy xét ấy là bắt đầu từ Sơ

Địa cho đến Phật Địa, dần dần thuận theo một tâm bình đẳng pháp giới, không bao giờ có tất cả suy xét phân biệt. Thì không có sanh diệt: Do suy xét trước đây có tướng sanh diệt, nay không có suy xét không bao giờ có phân biệt, hai thứ sanh diệt cuối cùng xa lìa. Từ đó trở đi thuận theo lý không dao động, cùng tận thời gian vị lai không trở lại còn dao động cho nên nói là như thật sự không khởi lên. Lúc hai thứ sanh diệt rốt ráo chấm dứt, tám chủng Thức dao động đều được trở về vắng lặng yên ổn, sáu nhiễm nhập vào mãi mãi dứt trừ không phát khởi, cho nên nói là các Thức yên ổn vắng lặng nhập vào bất sanh. Nhập vào bất sanh cho nên pháp giới hiển bày trọn vẹn, các Thức yên ổn vắng lặng cho nên bốn trí thành tựu hoàn toàn, vì thế nói là được năm pháp thanh tịnh. Công lao vận tải không gì hơn được nơi này, tổng kết nói đây là Đại thừa. Chính thức nói về không còn dao động thành tựu là vắng lặng đã xong.

Kinh: “Bồ-tát! Nhập ngũ pháp tịnh tâm thức vô vọng, nhược vô hữu vọng tức nhập Như-lai tự giác Thánh trí chi địa, nhập trí địa giả thiện tri nhất thiết tòng bốn bất sanh, tri bốn bất sanh tức vô vọng tướng”. Nay Bồ-tát! Nhập vào năm pháp thanh tịnh thì tâm không còn vọng, nếu không có vọng tức là nhập vào địa vị Thánh trí tự giác của Như-lai, nhập vào trí địa là khéo biết tất cả từ lúc đầu bất sanh, biết lúc đầu bất sanh tức là không có vọng tưởng.

**Luận chép:** Đây là tiếp tục hiển bày tức là có ba câu: Thứ nhất chép: “Nhập vào năm pháp thanh tịnh thì tâm không còn vọng” ấy là lúc quay về nguồn tâm thì không có sự không hiểu biết của vọng niệm. Thứ hai nói “Nếu không có vọng tức là nhập vào địa vị Thánh trí tự giác của Như-lai” Ấy là lúc sự không hiểu biết không còn lập tức nhập vào địa vị viên trí của Thủ giác, là đối với không hiểu biết hiển bày đầy đủ Thủ giác. Thứ ba chép: “Nhập vào trí địa ấy là khéo biết tất cả từ lúc đầu bất sanh, biết lúc đầu bất sanh tức là không vọng tưởng” ấy là lúc đầy đủ Thủ giác có thể biết bốn tướng không hiểu biết động niệm xưa nay bất sanh, tức là biết xưa nay không có vọng tưởng, là hiển bày Thủ giác không khác Bốn giác. Như trong Khởi Tín Luận chép: “Tất cả chúng sanh không gọi là Giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm nối tiếp nhau không hề lìa niệm cho nên nói là vô thủ vô minh. Nếu đạt được vô niệm ấy, tức là biết tâm - tướng sanh trụ dị diệt vì những vô niệm, mà thật sự không có khác nhau với thủ giác, vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tự lập vì xưa nay bình đẳng một Giác như nhau”. Xét rằng: Trong này nói “Nếu đạt được vô niệm tức là biết tâm - tướng sanh trụ dị

diệt” ấy chính là hiển bày rõ “Khéo biết tất cả” trong kinh. “Mà thật sự không có khác nhau với thỉ giác” ấy tức là hiển bày “Khéo biết từ lúc đầu bất sanh” trong kinh. “Vì bốn tướng cùng lúc mà có đều không tự lập, vì xưa nay bình đẳng một Giác như nhau” ấy tức là hiển bày “Biết lúc đầu bất sanh tức là không có vọng tưởng” trong kinh. Dụ về trong mộng vượt sông trong này thuận theo giải thích rộng ra vậy.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vô vọng tưởng giả ứng vô chỉ tức”. Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Không có vọng tưởng ấy nên không có dừng lại.

**Luận chếp:** Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ hai nói về không có dừng lại. Ý câu hỏi chếp: Vốn không thật có vọng tưởng thì không thật có ý dừng lại. Cái dừng lại (sở chỉ) không có cho nên làm cho dừng lại (năng chỉ) cũng không có. Không có làm cho dừng lại (năng chỉ) cho nên thuận theo không có Thỉ giác. Chất vấn như vậy.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Vọng bốn bất sanh vô vọng khả tức, tri tâm vô tâm vô tâm khả chỉ, vô phân vô biệt hiện thức bất sanh, vô sanh khả chỉ thị tức vô chỉ diệt phi vô chủ. Hà dĩ cố, chỉ vô chỉ cố”. Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Vọng vốn bất sanh không có vọng để chấm dứt, biết tâm không có tâm - không có tâm có thể dừng lại, không có phân biệt không có sai khác hiện tại biết bất sanh, không có sanh khởi để dừng tức là không có dừng cũng chẳng phải không có dừng. Tại vì sao? Vì dừng lại không có dừng lại.

**Luận chếp:** Ý trả lời có hai: Trước là thừa nhận không có dừng lại. Sau là ngăn dứt không có dừng lại. Thừa nhận ấy là vì Thỉ giác không khác với Bốn giác. Ngăn dứt ấy là vì Thỉ giác chẳng phải chỉ là bốn giác. Dừng lại (tức) và chấm dứt (chỉ) trong thừa nhận khác nhau thế nào? Vọng khởi lên dao động cho nên có thể dừng lại, tâm rong ruổi phân tán cho nên có thể chấm dứt, mà vốn không có khởi lên - không có rong ruổi cho nên không thể dừng lại, không thể chấm dứt mà thôi. Vô phân ấy là vì không có tướng phân chia đối với cái thấy. Vô biệt ấy là vì không có cái thấy sai khác đối với tướng. Tướng và thấy đã không có phân biệt, thức hiện tại xưa nay bất sanh khởi, quá khứ vị lai bất sanh khởi, kẻ ngu người trí biết điều đó, dựa theo hiện tại nói về vốn bất sanh khởi. Đã không có những dừng lại (sở chỉ) sự sanh khởi của không hiểu biết (bất giác), thì không có khả năng dừng lại (năng chỉ) sai khác của lúc đầu hiểu biết (thỉ giác), căn cứ vào Không hai môn thừa nhận như vậy. Cũng chẳng phải không dừng lại là chẳng phải không có sự hiểu biết lúc đầu (Thỉ giác) không khác nhau. Vì dừng lại không có dừng lại

ấy là khả năng dừng lại (năng chỉ) không có vọng tâm sanh khởi, tuy sanh khởi không thật có mà chẳng phải chỉ có bất sanh khởi, chẳng phải chỉ có bất sanh khởi cho nên chẳng thể không có những sự dừng lại (sở chỉ), vì lẽ đó chẳng phải không có hiểu biết về khả năng dừng lại (năng chỉ) trả lời như vậy.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Nhược chỉ vô chỉ, chỉ tức thị sanh, hà vị vô sanh?”. Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu như dừng lại không có dừng lại, thì dừng lại tức là sanh khởi, sao nói là không có sanh khởi?

**Luận chép:** Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ ba nói về vô sanh quán. Ý chất vấn: Nếu có hiểu biết về khả năng dừng lại, thì nảy sinh quán về khả năng dừng lại, tuy bỏ đi sự dấy lên của không hiểu biết, mà còn tồn tại sự sanh khởi của hiểu biết ban đầu, sao nói là khả năng chứng được vô sanh quán vậy.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Đương chỉ thị sanh, chỉ dĩ vô chỉ, diệt bất trụ ư vô chỉ diệt bất trụ ư vô trụ, vân hà thị sanh?”. Đức Phật nói: Này Bồ-tát! Đang dừng lại là sanh khởi, dừng lại rồi không có dừng lại, cũng không an trụ vào không có dừng lại, cũng không an trụ vào không có an trụ, cũng không an trụ vào không có an trụ, thế nào là sanh khởi?

**Luận chép:** Ý trả lời có hai: Trước là cho nhận - sau là lấy đi. Cho ấy là cho phép sanh khởi ở Phương tiện quán, vì sanh khởi tâm năng dừng lại (năng chỉ tâm sanh). Hơn nữa, thời gian của Thế đệ nhất pháp tuy dừng lại Thức sanh khởi không giữ lấy nơi thức, mà tâm năng dừng lại giữ lấy “không có” mà sanh khởi. Lúc đang dừng lại này chính là thừa nhận sự sanh khởi. Vì điều này cho nên nói “Đang dừng lại là sanh khởi”. Vượt qua một niệm này tức là không giữ lấy “không có”, không giữ lấy “không có” cho nên tâm giữ lấy bất sanh khởi. Vì điều này cho nên nói “Dừng lại rồi không dừng lại”. Lúc này xa lìa tất cả phân biệt, không an trụ vào nơi “không có” của không dừng lại (vô chỉ), cũng không giữ lấy tâm tự không có an trụ đó, năng sở vĩnh viễn đoạn tuyệt, bình đẳng và bình đẳng, thế nào là lúc có thật có sự sanh khởi này? Trả lời như vậy.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát như bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vô sanh chi tâm hữu hà thủ xả, trụ hà pháp tướng? Phật ngôn: Vô sanh chi tâm bất thủ bất xả, trụ ư bất tâm, trụ ư bất pháp”. Bồ-tát Giải thoát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm không có sanh khởi có gì lấy bỏ, an trụ pháp tướng nào? Đức Phật nói: Tâm không sanh không lấy không bỏ



an trụ vào nơi không tâm (bất tâm), an trụ vào không pháp (bất pháp).

**Luận chép:** Đây là lần hỏi - đáp thứ tư bỏ đi cái thấy thêm bớt, nghĩa là nhiều người học vẫn còn dấy lên ý niệm này, tâm nhập vào quán giữ lấy lý vô tướng - xả bỏ sự của các tướng. Vì bỏ đi cái thấy tăng thêm này nên nói là “Không lấy, không bỏ”. Hoặc dấy lên niệm này: Lúc nhập vào quán hoàn toàn không có pháp sở trụ, cũng không có tâm năng trụ, như vậy chẳng khác đối với cuối cùng vô vi. Trừ bỏ cái thấy giảm bớt này cho nên nói “Trụ ở không tâm, trụ ở không pháp”. Tuy chẳng phải có an trụ chẳng phải không an trụ, chẳng phải không có an trụ cho nên có thể nói là an trụ.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Vân hà trụ ư bất tâm, trụ ư bất pháp? Phật ngôn: Bất sanh ư tâm thị trụ bất tâm, bất sanh ư pháp thị trụ bất pháp”. Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là an trụ vào không tâm, an trụ vào không pháp? Đức Phật nói: Bất sanh khởi đối với tâm là an trụ vào không tâm, bất sanh khởi đối với pháp là an trụ nơi không pháp.

**Luận chép:** Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ năm tiếp tục bỏ đi tình ý nghi ngờ. Lời của tình ý nghi ngờ: Đã nói an trụ tức là tùy theo tâm hay pháp? Nếu không là tâm - pháp thì phải nói là không an trụ, lời nói này rất sâu, làm thế nào tin hiểu được. Nghi ngờ như vậy. Ý trả lời của đức Phật nói: Không giữ lại quán tâm năng chứng - không giữ lại lý pháp sở chứng, cho nên nói bất sanh đối với tâm, bất sanh đối với pháp thì sanh khởi vẫn còn. Đã thường không tồn tại tâm - pháp, không phải hoặc là thất niệm mà tồn tại, cho nên nói là an trụ không tâm, là an trụ không pháp thì an trụ còn thường hằng. Thường hằng không lui sụt cho nên gọi là Trụ, nghĩa về Trụ như vậy, càng thuận với không tâm, sao để cho trái ngược lẫn nhau ở trong đó? Chính là trả lời như vậy, về sau tức là hiển bày trở lại.

Kinh: “Thiện nam tử! Bất sanh tâm pháp tức vô y chỉ, bất trụ chư hành tâm thường vắng lặng vô hữu dị tướng, thí bỉ hư không vô hữu động trụ, vô khởi vô tác vô bỉ vô thử, đắc không tâm nhãn, đắc pháp không thân, ngũ ấm lục nhập tất giai vắng lặng”. Nay người thiện nam! Bất sanh khởi tâm pháp tức là không có dựa vào dừng, không trụ vào các hành thì tâm thường vắng lặng, không có tướng sai khác ví như hư không kia không có dao động an trụ, không có phát khởi không có tạo tác không có đây không có kia, đạt được con mắt không tâm, đạt được thân pháp không, năm ấm sáu nhập thấy đều là không vắng lặng.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai hiển bày lại. Trong đó có

hai: Trước là nói lên xa lìa các tướng rộng khắp ba đời, sau là nói lên thuận theo pháp giới tu đủ sáu độ. Ba câu trong phần đầu nói là pháp dụ hợp. Bất sanh tâm pháp: Trích lại câu chính trả lời trước đó. Tức vô y chỉ: Theo chiều ngang không có sự khác nhau giữa năng y và sở y. Không trụ các hành: Theo chiều dọc không có các hành ở đang hiện tại. Không từng đang là cho nên tâm thường vắng lặng. Không có năng sở cho nên không có tướng sai khác. Từ “thí bỉ v.v...” trở xuống là thứ hai dẫn ra Dụ. “Không có dao động an trụ: Giống như bầu hư không thể gian vô vi thường trụ không có dao động của trước mất sau sanh”. Thí như đối với không trụ vào các hành, cũng không có sự an trụ của năng y sở y, so sánh với tức là không có dừng lại dựa vào, không có phát khởi không có tạo tác, tức là đồng với tâm thường thường vắng lặng, không có kia không có đây, không sai khác không có tướng khác nhau, vì thế nêu ra hư không, dụ cho quán Bất sanh. Trong đó hợp lại nói “được với tâm không”: Do bất sanh khởi tâm năng quán cho nên đạt được không có gì không thể quán. Đắc pháp không thân: Vì bất sanh khởi pháp sở quán cho nên đạt được pháp thân bình đẳng. Năm ấm giai không. Vì đạt được con mắt không tâm thông hiểu đối với ba đời cho nên năm ấm là không, hợp cùng hư không không phát khởi tạo tác ở trước. Lục nhập tất không: Vì đạt được thân thể pháp không, khắp nơi trong ngoài sáu nhập là không, hợp cùng hư không ở trước, không kia đây.

Kinh: “Thiện nam tử! Tu không pháp giả, bất y ba cõi, bất trụ giới tướng, thanh tịnh vô niệm, vô nhiếp vô phóng, tánh đẳng kim cương, bất hoại tam bảo, không tâm bất động cụ lục ba-la-mật”. Nay người thiện nam! Người tu pháp không, chẳng dựa vào ba cõi, không trụ vào giới tướng, thanh tịnh vô niệm, không gom lại không phát ra, tánh sánh bằng Kim Cương, không làm hỏng Tam Bảo, không tâm bất động đầy đủ sáu Ba-la-mật.

**Luận chép:** Là phần thứ hai biểu hiện tu đủ sáu độ. Tu pháp không là: Nhắc lại tâm vắng lặng ở trước. Ở dưới hiển bày riêng đầy đủ sáu độ. Không dựa vào ba cõi cho nên đầy đủ Thí Độ, không trụ vào giới tướng cho nên đầy đủ Giới Độ, thanh tịnh vô niệm cho nên đầy đủ Nhẫn Độ, không gom lại không buông ra cho nên đầy đủ Tinh tiến, tánh sánh bằng Kim Cương cho nên đầy đủ Thiền định, không làm hoại Tam bảo, cho nên đầy đủ Bát-nhã. Tại vì sao? Vì chỉ một tâm quán xét soi chiếu cùng khắp đáng theo, bật dứt các sự tranh luận cho nên đầy đủ Tam bảo. Nghĩa Tam bảo thành tựu cho nên nói là Bất hoại. Chỉ một không có hành động tạo tác khác nhau mà đầy đủ sáu độ, cho nên nói không

tâm bất động đầy đủ sáu Ba-la-mật.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Lục Ba-la-mật giả giai thị hữu tướng, hữu tướng chi pháp năng xuất thế da? Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã sở nói lục Ba-la-mật giả vô tướng vô vi”. Giải thoát Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Sáu Ba-la-mật, đều là tướng có, pháp của tướng có, có thể xuất thế chăng? Đức Phật nói Nay người thiện nam! Sáu Ba-la-mật ta đã nói ấy là vô tướng vô vi.

**Luận chép:** Dưới đây là lần hỏi - đáp thứ sáu hiển bày lại nghĩa xuất thế của sáu độ. Người hỏi thừa dịp nghi ngờ mà làm lý do quyết định, nêu ra sự tướng sáu độ thế gian vì nghi ngờ trong tâm xuất thế đầy đủ sáu độ. Trong trả lời có hai: Một là nêu ra sơ lược, hai là giải thích rộng. Đây chính là nêu ra sơ lược. Nói vô tướng ấy là lia bỏ tướng ba luân: Thí - Thọ v.v... Nói vô vi là lia bỏ các tướng sanh diệt hữu vi trong ba cõi. Trước ta đã nói một tâm đầy đủ sáu độ là mỗi pháp đều là vô tướng vô vi. Sáu độ này là pháp xuất thế gian, không giống như thế gian hữu tướng hữu vi.

Kinh: “Hà dĩ cố? Thiện nhập ly dục, tâm thường thanh tịnh, thật ngữ phương tiện bốn lợi, lợi nhân thị đàn Ba-la-mật”. Vì sao? Khéo nhập vào xa lìa-dục, tâm thường thanh tịnh, lời nói chân thật phương tiện vốn có lợi ích, lợi ích cho người là Đàn Ba-la-mật.

**Luận chép:** Dưới đây là giải thích rộng ra. Trong đó có hai: Trước là giải thích riêng. Sau là nói chung. Vì sao: Căn cứ câu hỏi phát khởi, đã có sáu số, tại vì sao là vô tướng? Chuyển sang dựa vào chân như gọi là lìa dục, lìa bỏ dục của ba hữu đã nói rõ. Quán tâm chính là hiểu rõ cho nên nói là khéo nhập. Lại không có vào ra nên nói là tâm thường. Xa lìa cấu bẩn của ba luân cho nên nói là thanh tịnh, tức là ở trên nói không dựa vào ba cõi. Như lý mà nói ra cho nên nói là thật ngữ. Khéo léo thuận tiện dẫn dắt cho nên nói là phương tiện. Tuy không có công dụng mà ứng cơ phát ra lời nói giống như trống cõi trời, là nói đến điều này vậy. Tất cả chúng sanh chỉ một bốn giác, khiến cho các chúng sanh cùng quay về Nhất giác. Vì thế cho nên nói lợi ích mình lợi người, đây gọi là Đàn Ba-la-mật của xuất thế.

Kinh: “Chí niệm cứng chắc, tâm thường vô trụ, thanh tịnh vô nhiễm, bất trước ba cõi, thị thi Ba-la-mật”. Nhớ nghĩ chí niệm bền chắc, tâm thường vô trụ, thanh tịnh không nhiễm, không vướng mắc ba cõi, là Thi Ba-la-mật.

**Luận chép:** Thương nghĩ đến chúng sanh như con một của mình,

nên nói là chí niệm vững chắc. Thường ở tại thế gian không trụ vào Niết-bàn, cho nên nói là Tâm thường không an trụ. Đây là phòng ngừa sai lầm của hàng nhị thừa. Quán tâm rõ ràng thấu suốt, không xen lẫn các lậu, cho nên nói là thanh tịnh không nhiễm. Trái qua khắp nơi sáu đường thấu suốt đều là vắng lặng, cho nên nói là không mê đắm ba cõi. Đây là ngăn ngại nghiệp ác của phàm phu, là nói về không trụ vào giới tướng phàm Thánh, chính là ở trên nói không trụ giới tướng, đây gọi là Thi Ba-la-mật của xuất thế.

Kinh: “Tu không đoạn kết bất y chư hữu, vắng lặng tam nghiệp bất trụ thân tâm, thị Sằn đề Ba-la-mật”. Tu không dứt trừ kiết, không nương vào các Hữu, ba nghiệp vắng lặng, không trụ vào thân tâm, là Nhẫn nhục Ba-la-mật.

**Luận chép:** Hai câu trước là an trụ lý Không - xa lìa kết hoặc Hữu, hai câu sau là ba nghiệp vắng lặng hết cả thân tâm, đều là nghĩa của vô sanh pháp nhẫn, tức là ở trước nói Thanh tịnh vô niệm.

Kinh: “Viễn ly danh số, đoạn không hữu kiến, thâm nhập ấm không, thị Tỳ-lê-da Ba-la-mật”. Xa lìa các danh số, dứt trừ cái thấy Không - Hữu, đi sâu vào ấm không, là Tinh tấn (Tỳ-lê-da) Ba-la-mật.

**Luận chép:** Hai câu trên là lìa bỏ, thô tịnh nhập vào Không là nghĩa Tiến, tức là ở trước nói không gom lại, không phát ra, đây là tinh tiến độ của xuất thế.

Kinh: “Cụ ly vắng lặng, bất trụ chư không, tâm xứ vô tại đại không, thị thiền Ba-la-mật”. Xa lìa vắng lặng, không trụ vào các không, chỗ tâm - chẳng ở Đại Không, là Thiền Ba-la-mật.

**Luận chép:** Xa lìa vắng lặng là vì ứng hóa thọ sanh khắp nơi ba cõi. Bất trụ chư không ấy là vì không dính trệ vào năm không mà thường hóa hiện khắp mười phương. Đây là nói về Thiền giáo hóa chúng sanh. Chỗ tâm là vô: Tuy thân trải qua ba cõi mà tâm thường trụ ở lý không có (lý vô). Lý vô ấy là lý bất dứt tướng của ba cõi (tam hữu). Tại Đại Không: Tuy thường hóa hiện ở mười phương mà tâm ở Đại Không. Đại Không ấy là tướng rộng lớn của hư không khắp mười phương. Đây là biểu hiện sự thành tựu của Thiền Phật pháp, thân tuy phát khởi tạo tác mà tâm vắng lặng không dao động, chính là ở trước nói Tánh bằng Kim cương. Nhưng nghĩa về Đại Không đại khái có năm thứ: Một là người - không hai là pháp Không gọi là Đại Không, như kinh Tạp A-hàm Đại Không nói, trong Luận Du-già cũng nói giống như vậy. Hai là Bát-nhã Ba-la-mật Không gọi là đại Không, như kinh Đại Niết-bàn nói, trong kinh Lăng Già cũng nói đồng như vậy. Ba là khí thế giới chẳng gọi là

Đại Không, như kinh Giải Thâm Mật nói, trong Luận Trung Biên cũng nói giống như vậy. Bốn là thức A-lê-da không gọi là Đại Không, như trong Luận mười Địa chép: Năm là Thập phương tướng không gọi là Đại Không, như trong Luận Trí Độ nói. Nay văn kinh này nằm ở thứ năm, tạm thời tùy theo ý thuận tiện thật hiện nói như vậy mà thôi.

Kinh: “Tâm vô tâm tướng, bất thủ hư không, chư hành bất sanh, bất chứng vắng lặng, tâm vô xuất nhập tánh thường bình đẳng, chư pháp thật tế giai quyết định tánh, bất y chư địa bất trụ trí tuệ, thị Bát-nhã Ba-la-mật”. Tâm không có tâm tướng, không giữ lấy hư không, các hành bất sanh khởi, không chứng đắc vắng lặng, tâm không có ra vào tánh thường bình đẳng, thật tế của các pháp đều là tánh quyết định, không nương vào các Địa - không trụ vào trí tuệ, là Bát-nhã Ba-la-mật.

**Luận chép:** Tâm không có tâm tướng: Vì không giữ lại tướng từ trong quán tâm, chẳng giữ lấy hư không: vì không giữ lấy tánh Không của tâm giả tạo (tâm hư). Đây là tuệ của chứng đạo các hành bất sanh: Vì thấu suốt tất cả các hành xưa nay bất sanh. Không chứng vắng lặng: Vì không mê đắm vô sanh mà thường hóa hiện bên ngoài. Đây là tuệ của giáo đạo. Tâm không xuất nhập tánh thường bình đẳng: Hai đạo trước thường không thể xa lìa nhau, dao động mà thường vắng lặng. Vắng lặng mà luôn dao động, cho nên nói là không có xuất nhập. Dao động vắng lặng thường thường song song không đình trệ một phía, cho nên Tánh thường bình đẳng. Thật tế các pháp đều là tánh quyết định: Giảng nói tướng thường vắng lặng của chứng đạo, cho nên giống như chân tế sánh với pháp tánh. Không nương các địa không trụ ở trí tuệ: Vì không nương tựa mê đắm vào mười tầng pháp giới, không chấp đắm đình trệ vào tuệ vắng lặng soi chiếu nên thường dao động giảng nói về giáo đạo. Trong này chính là đầy đủ Giác Chiếu, đáng nói theo. Nghĩa của bật dứt tranh luận, chính là ở trước nói Bất hoại Tam Bảo, đây gọi là Bát-nhã Ba-la-mật của xuất thế. Trên đây là văn giải thích về sáu độ xong.

Kinh: “Thiện nam tử! Thị lục Ba-la-mật giả, giai hoạch bốn lợi, nhập quyết định tánh, siêu nhiên xuất thế, vô ngại giải thoát”. Đây người thiện nam! Đây là sáu Ba-la-mật đều được lợi ích vốn có, nhập vào tánh quyết định, xuất thế vượt ra ngoài, giải thoát không chướng ngại.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai nói chung. Trong đó có hai: Trước là nói về sáu độ giải thoát y như nhau, sau là nói rõ giải thoát tức là Niết-bàn. Trong phần đầu chép: “Đều được lợi mình nhập tánh

quyết định” ấy là sáu độ lúc bắt đầu tu đều chung Bốn Giác, do đó Bốn Giác hiển bày rõ thành tựu lợi hành vốn có, cho nên nhập vào tánh Như-lai-tạng vốn vắng lặng thanh tịnh không có bắt đầu không có kết thúc không có thay đổi. Như vậy sáu độ đạt được lợi ích vốn có cho nên xa lìa tướng trôi lăn của vọng niệm, do đó nói là xuất thế vượt ra nhập vào pháp tánh. Rộng khắp pháp giới vô tướng vô vi, không trói, không thoát, nên nói là vô ngại giải thoát.

Kinh: “Thiện nam tử! Như thị giải thoát pháp tướng giai vô tướng hành, diệu vô giải bất giải, thị danh giải thoát. Hà dĩ cố? Giải thích chi tướng vô tướng vô hành, vô động vô loạn tịch tịnh Niết-bàn, diệt bất thủ Niết-bàn tướng”. Này người thiện nam! Pháp tướng giải thoát như vậy đều không có tướng hành, cũng chẳng có cõi bỏ nào không thể cõi bỏ, đây gọi là giải thoát. Tại vì sao? Vì tướng của giải thoát không có tướng không có hành, không có động không có loạn thanh tịnh vắng lặng Niết-bàn cũng không giữ lấy tướng Niết-bàn.

**Luận chếp:** Đây là phần thứ hai nói về giải thoát tức là Niết-bàn. Trong đó có hai: Trước là nói về giải thoát, sau chính là Niết-bàn. Trong phần đầu chếp: “Đều không có tướng hành” ấy là hành của sáu độ đều cùng chung Bốn Giác, tướng của Bốn Giác lìa tướng lìa tánh, cho nên nói là vô tướng. Hành của sáu độ lìa tu lìa hành, cho nên nói là vô tướng. Hành tướng đều bất dứt cho nên nói đều không có tướng hành. Pháp tướng giải thoát đã như vậy, có gì khởi bỏ xa lìa ràng buộc, có gì ràng buộc không thể cởi mở. Cho nên nói cũng không có cõi bỏ nào không thể cõi bỏ. Vì sao? Vì sao hành của sáu độ mà nói là Vô tướng hành vậy? Trả lời ý này nói là sáu độ như vậy không những chính là giải thoát, mà cũng chính là Niết-bàn, thế nên nói là vô tướng hành. Tướng giải thoát là không chẳng có hành tướng vô hành: Trích lại giải thoát ở trước. Không động, không loạn vắng lặng Niết-bàn: Nói chính là Niết-bàn, muốn nói như trước đã nói về hành của sáu độ đều không có phát khởi chuyển động cũng không có phân tán hỗn loạn chính là xưa nay vắng lặng Niết-bàn. Đã chính là Niết-bàn, làm sao có tướng hành? Lìa bỏ tướng dao động hỗn loạn cho nên nói là Vắng lặng. Cũng xa lìa tánh vắng lặng cho nên cũng không giữ lấy tướng Niết-bàn. Sáu độ trong này là giải thoát Niết-bàn, bắt đầu từ sơ Địa cho đến Phật Địa. Nói là Niết-bàn chính là thanh tịnh xưa nay Niết-bàn trong bốn loại Niết-bàn, chính là giải thoát không thể nghĩ bàn. Dựa vào nghĩa của tự tánh vô chướng ngại đó, cho nên gọi là vô ngại giải thoát. Hỏi: Nghĩa giải thoát có rất nhiều, có giải thoát trong hai đạo, có giải thoát trong Tam điểm,

có giải thoát trong Ngũ phần Pháp thân, giải thoát trong mười môn giải thoát, trong các môn này là ở môn nào? Giải thoát trong ba việc này, giải thoát chính là Niết-bàn, muốn hiển bày hành của sáu độ - đức của ba việc hạn định thật sự mà nói, Sơ Địa đã đạt được cho đến địa vị Diệu Giác cuối cùng viên mãn, như trong kinh chép: “Nếu có Bồ-tát an trụ Đại Niết-bàn có thể xây dựng nghĩa rộng lớn, cho đến nói rộng”.

Kinh: “Giải thoát Bồ-tát vẫn thị ngữ dĩ, tâm đại hân dịch đắc vị tăng hữu, dục tuyên nghĩa ý nhi nói kệ ngôn: Đại giác mãn túc tôn, vị chúng phô diễn pháp, giai nói ư nhất thừa, vô hữu nhị thừa đạo, nhất vị vô tướng lợi, do như đại hư không, vô hữu bất dung thọ, tùy kỳ tánh các di, giai đắc ư bốn xứ”. Bồ-tát Giải thoát nghe lời này rồi, tâm rất vui thích đạt được điều không hề có, muốn nói ra nghĩa ý mà nói kệ: “Đấng Đại Giác mãn túc tôn, vì mọi người giảng nói pháp, đều nói hướng về nhất thừa, không có con đường nhị thừa, một vì lợi ích vô tướng, giống như hư không rộng lớn, chẳng có gì không dung nạp, tùy tánh đó đều khác nhau, đều đạt được chỗ mình”.

**Luận chép:** Dưới đây là phần thứ hai trùng tụng, trong đó ở trước là lời tựa khơi mở của người kết tập kinh điển. Trong phần chánh Tụng có bảy hàng tụng, trong đó có hai: sáu hàng trước là tụng riêng, một hàng sau là tụng chung. Trong phần trước cũng có hai: Một là hai hàng một câu tụng về nêu sơ lược ra trước đó, hai là ba hàng ba câu tụng về giải thích rộng ra ở sau. Trong phần nêu sơ lược ra chép: Trí địa của chư Phật nhập vào tướng thật pháp và tánh quyết định, phương tiện thân thông đều là lợi ích vô tướng. Nay trong tụng này một tụng đều là khen ngợi. Lại chép: Nhất giác liễu nghĩa khó hiểu khó hội nhập, cho đến có thể độ chúng sanh đều nói về một vị. Nay trong tụng này dùng ba nghĩa khen ngợi, đó là một câu trước là khen ngợi về pháp nói ra, hai câu kế là khen ngợi về thí dụ dẫn ra, hai câu sau là khen ngợi về thí dụ kết hợp.

Kinh: “Như bĩ ly tâm ngã, nhất pháp chi sở thành, chư hữu đồng dị hành, giai hoạch ư bốn lợi, diệt tuyệt nhị tướng kiến”. Như xa lia tâm - ngã kia, là vốn thành tựu một pháp, các cõi thật hành đều khác, đều được lợi ích vốn có, dứt sạch cái thấy hai tướng.

**Luận chép:** Dưới đây là văn tụng về giải thích rộng ra. Trong đó có hai: Năm câu trước tụng về mở rộng quán vô tướng, hai hàng rưỡi sau tụng về mở rộng nghĩa Nhất giác. Trong phần mở rộng vô tướng chính là mở rộng tiếp tục hiển bày. Nay hai câu đầu tụng về văn chính là mở rộng. Trong phần chính là mở rộng trước đó cũng có hai phần: Trước là

quán phương tiện, sau là nói về chánh quán. Nay trong bài tụng này là tụng về văn chánh quán. Nơi kia nói là khiến cho chúng sanh kia đều xa lìa tâm - ngã, cho đến nói rộng ra xa lìa năng sở. Nay hai câu này chính thức tụng về văn này. Nói là Nhất pháp: xa lìa hai bên có - không, chỉ một Trung đạo quán, vì quán này có thể xa lìa cái chấp về tâm - ngã. Trong văn hiển bày lại có bốn lần hỏi - đáp, nay hai câu này tụng về hai lần hỏi - đáp ở trước. Nói là các cõi thật hành cùng, khác ấy, trong lần trả lời đầu tiên kia chép: Tất cả tâm tướng xưa nay không có cội gốc. Các văn như vậy tức là cùng thật hành quán tướng chung. Trong lần trả lời thứ hai chép: Nếu có ngã ấy thì khiến cho dứt trừ chấp có, nếu không có Ngã thì khiến cho dứt trừ chấp không. Nếu tâm phát sanh thì khiến cho dứt trừ tánh diệt, nếu tâm diệt thì khiến cho dứt trừ tánh sanh. Các văn như vậy chính là thật hành riêng quán biệt tướng. Thật hành cùng, khác này đã hội nhập vô dị, cho nên nói đều được lợi ích vốn có, như cuối cùng trước đó nói, dứt trừ tánh thấy này tức là hội nhập thật tế. Lại, tụng này nói Diệt sạch cái thấy hai tướng ấy là tụng về hai lần hỏi - đáp sau. Trong lần trả lời thứ ba nơi kia chép: Lúc thấy pháp sanh khởi thì khiến cho dứt trừ cái chấp không có, lúc thấy pháp diệt đi thì nên nói dứt trừ hai chấp. Lần trả lời thứ tư chép: Sanh diệt đều dứt trừ, vốn sanh bất sanh khởi, tâm thường vắng lặng, vắng lặng vô trụ. Nay chính là tụng về điều này cho nên nói dứt bặt hai tướng.

Kinh: “Vắng lặng chi Niết-bàn, diệt bất trụ thủ chứng, nhập ư quyết định xứ, vô tướng vô hữu hành”. Niết-bàn vắng lặng, cũng không trụ vào thủ chứng, hội nhập vào nơi quyết định, không có tướng không có hành.

**Luận chép:** Dưới đây là hai hàng rưỡi tụng về mở rộng Nhất giác, trong phần mở rộng Nhất giác chính là mở rộng hiển bày là. Nay trong tụng này chỉ tụng về hiển bày lại. Trong văn tiếp tục hiển bày, có sáu lần hỏi - đáp. Trong này có hai: Một hàng trước tụng về lần trả lời thứ sáu, một hàng rưỡi kế là tụng về lần trả lời thứ năm. Bốn lần hỏi đáp trước lược qua nhóm khôngng. Trong lần trả lời thứ sáu chép: Nhập vào tánh quyết định, xuất thế vượt ra khỏi, giải thoát không chướng ngại, tướng giải thoát chẳng có tướng, không có hành, không động, không loạn, vắng lặng Niết-bàn cũng không chấp lấy tướng Niết-bàn. Nay trong bài tụng này tụng theo thứ tự ngược lại.

Kinh: “Không tâm vắng lặng địa, tâm vắng lặng vô sanh, đồng Bỉ kim cương tánh, bất hoại ư Tam bảo, cụ lục Ba-la-mật, độ chư nhất thiết sanh”. Địa vị Không tâm vắng lặng, tâm vắng lặng bất sanh khởi,



---

giống như tánh Kim cương kia, không hủy hoại nơi Tam bảo, đầy đủ sáu Ba-la-mật, độ tất cả các chúng sanh.

**Luận chép:** Đây là tụng về lần trả lời thứ năm. Văn kia chép: Bất sanh khởi tâm - pháp tức là không nương vào dừng, không trụ vào các hành, tâm thường vắng lặng, chẳng có tướng sai khác, cho đến tánh sánh bằng Kim cương, không hủy hoại Tam bảo, tâm vắng lặng không dao động, đầy đủ sáu Ba-la-mật. Nay trong này tụng thuận theo thứ tự.

Kinh: “Siêu nhiên xuất ba cõi, giai bất dĩ tiểu thừa, nhất vị cho pháp ấn, nhất thừa chi sở thành”. Vượt hẳn ra ngoài ba cõi, đều không dùng Tiểu thừa, pháp ấn của một ý vị, đã thành tựu nên Nhất thừa.

**Luận chép:** Một tụng này chung tụng về Đại ý của một phẩm từ trước đến nay, hiểu rõ hết đại ý của văn như trước đã nói.

Kinh: “Nhĩ thời đại chúng văn nói thị nghĩa, tâm đại hân dịch đặc ly tâm ngã nhập không vô tướng, khôi khoách khoáng đăng, giai đặc quyết định đoạn kết tận lậu”. Lúc bấy giờ đại chúng nghe nói nghĩa này, tâm rất vui thích được xa lìa tâm - ngã nhập vào Không - Vô tướng, rộng lớn khoáng đăng, đều được quyết định dứt trừ kiết hoặc - không còn các lậu.

**Luận chép:** Nội dung của một phẩm có trong ba phần: Hai phần trước từ đầu đến cuối nằm ở trước. Đây là toàn văn lúc chúng được lợi ích phần thứ ba. Đặc ly tâm - ngã: Là chứng được hai Không chân như. Dứt kết tận lậu là dứt trừ hai hoặc về kiến - tu. Muốn nói lên được nhập vào Sơ Địa thấy đạo chính là dứt trừ kiến hoặc bao gồm dứt trừ tu hoặc. Nghĩa giống như trong Luận Di-lặc Sở Vấn giải thích, trong đó chính là toàn bộ ở tại chương nói về hai chương.

